Năm thứ mười-tám — Số 199 1er Juillet 1934

# NAM PHONG

VĂN HỌC KHOA-HỌC TẠP CHÍ

## MỘT CUỘC ĐỜI MỚI (1)

Thưa các bà,
Thưa các cô,
Thưa các ngài,

Cuộc nói chuyện hôm nay, chính lẽ phải có từ thứ năm trước — vì công việc đã bắt-buộc chúng tôi phải vắng mặt, cho nên hoãn lại tới hôm nay. — Điều ấy, tôi trước hết xin có lời nhận lỗi cùng các ngài, các bà và các cô, mong các ngài lượng-thứ cho, mà chẳng những thế, lại xét cho kẻ tài nhỏ mà việc quá nhiều, để tha-thứ tôn cho cả những điều khuyết-điểm mà tôi ắt không sao tránh được trong khi nói chuyện.

Nhan-đề câu chuyện mà chúng tôi sẽ được hân-hạnh thưa với các bà, các cô và các ngài đã hạ-cố đến đây, là : « Một cuộc đời mới ».

Song bước chân lên diễn-đàn này, thì một vài mối tình xưa bỗng dâu « lai-láng khôn hàn ». Tình kia nỗi nọ, dẫu chỉ là đời riêng của tôi, song cũng xin phép các ngài cho phép chúng tôi được có một lát theo ngọn trào tâm-sự.

Lúc này, chung-quanh mình tôi, trên nóc, trên thềm nhà này, tôi thấy phảng-phất biết bao nhiêu hình-ảnh không thể gác đi được, mà cũng không dám gác nó đi. Hồi-tưởng lại mười-lăm năm về trước, trường Tri-tri này lúc ấy còn chưa xây dựng lại nguy-nga như bây giờ. Diễn-giả này lúc ấy độ lên mười, được học ở đây trong suốt mấy năm trời, nhờ ơn thầy tốt bạn hiền, — bây giờ sau mười lăm-năm qua, cảnh cũ đã đổi mới, thầy xưa bạn cũ đã có kẻ khuất người xa, — nhưng kẻ học trò nhỏ khi xưa, tới nay sở-dĩ dám đứng ở diễn-đàn này, có lẽ cũng vì tự nghĩ rằng: có cái nợ nặng với hội Tri-tri, với trường Tri-tri; lại nghĩ rằng: những thầy những bạn năm xưa, người còn đã vậy, kẻ khuất cũng đã có một vài; song tôi tưởng như dù có mặt đây tối hôm nay hay là vắng mặt, cũng đều giúp cho kẻ bất-tài này được nhiều cái trợ-lực vô-hình khiến cho diễn-giả nửa bảng-khuâng nửa ngại-ngùng mà lại nửa như phấn-khởi. Tuy phấn-khởi, nhưng bất-tài thì vẫn hoàn bất-tài. Dù biết nợ cùng hội Tri-tri và trường Tri-tri, dù nể lời ông bạn rất kính-mến của tôi là ông Nguyễn Văn-Tố đã thay lời ông hội-trưởng Ngô Vi-Liễn mà giục tôi lên nói chuyện từ mấy tháng trước đây, thật tôi tự xét không xứng-đáng nối gót những nhà diễn-giả đã đi trước tôi ở diễn-đàn này. Vậy xin thưa trước trong câu chuyện này, tôi

(1) Bài diễn-văn đọc tại hội-quán Tri-tri Hà-nội, ngày 28 Juin 1934.

sẽ không dám lấy tư-cách nhà chính-trị hay là nhà học-giả (vì tôi chưa được tới bậc ấy), chỉ đứng vào địa-vị một người Nam-Việt ở buổi đời này, cái lịch-duyệt dù ít, cũng đã từng trải qua nhiều phen phải lựa chọn trong hai đường *cũ* và *mới*; nhiều phen lầm một cách đau-đớn, nhiều phen rõ một cách sáng-suốt. Đã hay việc đời man-mác, biết đâu là cùng. Ta có câu «biết thưa thốt, không biết dựa cột mà nghe». Dựa cột mà nghe đã ít lâu nay, những điều nghe thấy hình như đã gần xếp thành một bài học.

Câu chuyện « cuộc đời mới » tôi xin xếp làm bốn đoạn :

*Đoạn thứ nhất.*— Thế nào là một cuộc đời mới? Ở nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng?

*Đoạn thứ hai.* — Nhiệm-vụ bạn thanh-niên trong sự vận-động một cuộc đời mới.

*Đoạn thứ ba.*— Tsông gương một vài nước ngoài.

*Đoạn thứ tư.*— Một vài cảm-tưởng riêng và hi-vọng của chúng tôi, gọi là làm câu kết-luận.

## I

## Thế nào là một cuộc đời mới ? Ở nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng ?

« Thế nào là một cuộc đời mới ? » Đối với con mắt nhà triết-học, có lẽ trong trường xã-hội và nhân-sinh, không có cái gì là mới hẳn, không có cái gì là cũ hẳn. Tây-triết có câu : « Dưới ánh sáng mặt trời, không có gì là mới cả ». Ngạn-ngữ ta có câu : « Cũ người mới ta ». Nhiều sự, mắt ta mới thấy lần đầu, tai ta mới nghe lần đầu, nhiều việc xuất hiện ra trong hoàn-cảnh của ta, thì ta cho là từ xưa tới nay chưa từng có ; nhưng đối với người khác, đối với nước khác, lại là một sự rất thông thường và rất cũ-kỹ. Nói đến tâm-lý từng người, lại càng khó phân-biệt sự mới cũ. « Anh ấy có cái óc mới, anh nọ có cái óc cũ », những lời nói ấy ta thường thường được nghe trong những câu chuyện phẩm-bình thế-sự và nhân-vật. Những lời nói ấy thường khiến cho tôi nghĩ vẩn nghĩ vơ... Óc mới ? Cái óc của đứa trẻ mới sinh ra, có lẽ cũng chưa hẳn là óc mới. Trừ ông ADAM và bà EVE trong thánh-sử của đạo Gia-tô, có lẽ con người ta, ai nấy đã sinh ra đời là không sao tránh được một vài cái dấu tích cũ nó in sẵn ở trong trí-não mình, nó thấm ở trong mạch máu mình. Chẳng cứ người Đông Á hay Tây-Âu, càng là người [illegible] văn-minh bao nhiêu, cái dấu vết [illegible] những đời trước, của những [illegible] xưa, càng rõ-ràng trong tâm-trí.

Tuy vậy, chữ « óc mới » và « óc cũ » không phải là không có nghĩa. Đã hay rằng ta bước ra đời là đã có sẵn nhiều bài học của tổ-tiên tự-nhiên ghi ở trong tâm trong trí ta, nhưng cuộc đời là một cuộc thay đổi không cùng. *Sinh* tức là *hóa*, mà có *hóa* mới *sinh*. Đức Khổng-tử khi xưa, ngắm dòng nước cuồn-cuộn chảy đi mãi, ngày đêm không nghỉ, luống khen cho dòng nước rồi-ráo. Ngài khen dòng nước chảy luôn là ngài nghĩ đến cái đạo-lý cũng như dòng nước man-mác không cùng (1).— Nhưng ta cũng có thể ví cái cuộc dịch-hóa trong đời người như dòng nước bao giờ cũng không đứng lại. — Cuộc sinh-hoạt của một người cũng như

(1) Thủy-tai ! thủy-tai ! Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ.

của một quốc-gia, phải sao cho như nước chảy không dừng. Cái ao tù bao giờ cũng là chỗ rở-bẩn hơn dải tràng-giang. Vậy đời của người ta, đời của nước ta, nên tránh dừng để giống như một cái ao tù. Bo-bo ôm mãi một vài cái quan-niệm đã không có ích gì nữa ở trong cuộc đời khác xưa, đó là dủ nhau đi tắm ao tù. Nếu bảo rằng: « Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn », thì sao không biết nghĩ: nếu có một dòng nước trong mát hơn cái ao tù, nhưng chưa là của ta, thì hãy cứ đi tắm nước trong kia, rồi tìm cách lấy nó về làm của ta, chứ sao? Mà cái ao tù vẫn là của ta hơn cái dòng nước trong sẽ là của ta, đó là có cái « *óc cũ* » — Cái gì đã đến lúc nó phải chết, theo luật tự-nhiên trong thuyết tiến-hiên-diễn (*évolution*), mặc cho nó tắt thở dần đi; có thương chăng, có tiếc [illegible] cũng chỉ nên lấy « gấm vóc rực-rỡ, vẫn là những đồ vật bao bọc giấc [illegible] của những thần-tiên đã bị tiêu-[illegible], mà khâm-liệm cho nó », theo lời nhà văn-sĩ RENAN, chứ không trái với lẽ biến-hóa, lẽ tiến-hóa của đời, mà những lo cùng sợ, những giữ cùng gìn, cho cái xác không còn sinh-lực mà vẫn được coi như còn sống, cho cái hồn đã ẻo-lả mà khỏi bị tiêu-tán: biết nghĩ như thế, biết làm như thế, là có cái « *óc mới* ».

Cái « *óc mới* » vẫn là óc ông cha ta sinh ra cho ta, vẫn là cái óc có thấm nhuần quan-niệm của những đời đã qua. Ta làm cho nó *mới*, không phải là mổ cái đầu ra mà nhờ tay Biển-Thước nào đút vào trong cái sọ cũ-kỹ kia một khối óc ở đâu mới nặn. Làm cho nó mới, chỉ là biết phân-biệt trong những tiếng gọi của ông cha tiếng nào ta còn có thể vâng theo được, và tiếng nào đối với nó ta giả điếc đi là hơn; lại là biết lựa-chọn trong những tiếng gọi khác nó ở khắp nơi mà tới tai ta, những tiếng nào ta nên nghe.

Vậy không có *óc cũ* thì cũng không lấy đâu ra làm cái *óc mới*. Cho nên mắt vẫn phải nhìn tới tương-lai, nhưng tay chửa nên rời dĩ-vãng, nếu cái cuộc tương-lai đó chưa nắm được; trí vẫn phải quay về cái mới, không khác nào hoa hướng-dương tìm ánh mặt trời, nhưng tâm vẫn phải trau dồi cho cái gốc rễ cũ-càng, nó cũng như cái « chút nghĩa cũ-càng » của nàng Kiều, ta với nó « dẫu lìa ngỏ ý còn vương tơ lòng » vậy.

Trong cử-tọa nghe tôi nói chuyện lúc này, nhác trông được thấy nhiều bực có lẽ cũng là tân-nhân-vật trong đài trang. Được thấy bóng đài-gương mà chúng tôi lại sực nghĩ ra một câu tỉ-dụ nữa, để thêm rõ-rệt cái lời giải-thích của chúng tôi về những chữ « người mới, người cũ ». Tôi xin phép các bực nữ-lưu ấy cho tôi được dùng câu tỉ-dụ đó, và xin phép các ngài hiểu cho: chúng tôi sở-dĩ căn-vặn mãi về hai chữ *mới cũ* này, cũng vì giải-thích được hết ý ở đoạn này thì nói đến những đoạn sau trong câu chuyện, không cần phân-trần nhiều cũng đạt được ý.

Trong xã-hội ta bây giờ, đã có một số nhiều các vị tiểu-thư người ta gọi là các cô tiểu-thư «mới». Muốn nên một trang khuê-tú «mới», một người con gái có cần phải tự hủy-hoại hết thảy cái tấm thân và cái linh-hồn của cha mẹ sinh ra đâu? Chỉ có trong truyện thần-tiên hoang-đường ở Âu-tây thì mới có những con chim *phénix* đã cháy ra tro rồi lại tái-sinh. Người ta, muốn đổi mới thân mình, không sao bỏ hẳn cái con người cũ của mình đi

được. Một trang khuê-tú, tuy vậy, vẫn có thể biến-đổi mình ra mới; *mới* là trau-dồi cái đức của mình, cho có những tư-cách cần phải có để khỏi thẹn cùng con gái nước văn-minh; *mới*, là trau-dồi cái sức-lực, cái sắc đẹp của mình, cho khỏi mang cái tội có đủ vật-liệu để điểm ngọc tô hoa mà chẳng biết tô hoa điểm ngọc. Rút lại, người phụ-nữ mới, là một người phụ-nữ biết từ cái gốc cũ, từ cái thân-thể và tinh-thần của cha sinh mẹ dưỡng, mà dùng trí-dục, đức-dục, thể-dục, mỹ-thuật, đi cho tới một con đường rộng-rãi hơn là những lối co-hẹp ngày nào.

Đã giải-thích thế nào là *óc mới*, *óc cũ*, *người mới*, *người cũ* thì từ đấy suy đi, sẽ hiểu thế nào là *một cuộc đời mới*.

Người ta sinh ra ở đời, gặp sẵn một cái hoàn-cảnh để cho mình phải sống ở trong đó. Thoát-li ra ngoài vòng kiềm-chế của hoàn-cảnh, là một sự có thể làm được, nhưng không phải là ai cũng có thể làm được, không phải là ai cũng có quyền làm được. Phần nhiều người ta phải chịu ở trong cái hoàn-cảnh có sẵn. Nhưng hoàn-cảnh ấy, là ao tù hay là nước chảy, ta nên nhận rằng: chính ở tay ta làm ra. Có khi cảnh kia thủa xưa cũng là một dòng nước bát-ngát mông-mênh, cuồn-cuộn không rứt; tới nay nó mới hóa ra ao tù. Có khi cảnh kia bấy nay nó vẫn là ao tù, nhưng ta có thể khai-phóng cho vũng nước tội-nghiệp ấy.

Một cuộc đời mới là một cuộc đời hoạt-động, lấy sự tiến-hóa làm mục-đích, lấy sự tái-tạo làm sự lo-lắng hằng ngày. Thế nào là hoạt-động? Đem hết tâm-lực của mình ra để có một phần trong sự tiến-hóa của nước nhà, là người biết hoạt-động. Thế nào là tiến-hóa? Người ta khỏe hơn mình, thì xét xem vì đâu người ta khỏe, mà cũng gắng luyện cho mình bằng người; người ta hay hơn mình, thì công-nhận là người ta hay, bắt chước cái hay của người ta, bỏ cái dở của mình; sao cho có một ngày kia, người ta đang đi nhanh hơn mình, mà vụt phải quay cổ lại kêu rằng: « Ủa! nó cũng đã theo ta tới sau lưng rồi! » Đó là tiến-hóa. Đã hiểu vậy, thiết-tưởng cũng không cần phải giải-thích chữ *tái-tạo*; tái-tạo nghĩa là sửa đổi lại cái cơ-sở cũ-kỹ cho nó dần-dần thích-hợp với kiểu cách khéo-léo của người khôn hơn mình đã vẽ ra.

Cuộc đời mới của từng người phải làm sao cho tự mình so-sánh với mình, thì thấy ngày hôm nay mình đã được hơn ngày hôm qua, ngày hôm nay mình đã trừ bỏ được tật sấu gì mà hôm qua còn có; ngày hôm nay mình đã thêm được một chút công-nghiệp gì trong sự-nghiệp văn-chương, mỹ-thuật, xã-hội, mà mình theo đuổi bấy lâu; tự mình đã chắc rằng sự đổi mới của mình lúc nào cũng vẫn một mực mà đi, thì sẽ có thể mình làm lấy cái luân-lý của mình để mà theo, mình có riêng cái lẽ phải của mình, không đến nỗi phải lo sợ vì hoàn-cảnh, nhưng không cần phải nói, cũng rõ trong muôn người họa may mới có một người tới được cái bậc tối-cao là bậc tự mình theo cái luật-lệ của mình mà không cần hoàn-cảnh. Chín nghìn chín trăm chín mươi chín người khác, phải mượn sức của hoàn-cảnh để làm nên cái cuộc đời mới của mình. Cho nên cái sự làm cho mới cả xã-hội, đáng lo hơn là một sự làm cho mới từng người một.

Cho nên sau khi hỏi: « Thế nào là một cuộc đời mới? », ta phải hỏi « Nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng? »

Trên kia nói cuộc đời mới là cuộc hoạt-động, tiến-hóa, tái-tạo.

Người Việt-Nam bản-tính có hoạt-động không? Có ưa tiến-hóa không? Có thích tái-tạo không?

Mời hỏi 3 câu ấy, thì hình như phải trả lời luôn ba tiếng: không, rồi thở dài mà ngồi đó nhìn nhau thôi.

Người Việt-Nam ưa hoạt-động ư? thì sự hoạt-động đó có lẽ không ra khỏi khu-vực lũy tre xanh, cây đa đầu làng, sự hoạt-động đó không có mục-đích nào khác một miếng giữa đình, một bầu đoàn thê-tử, dù sự lập gia-đình đó rất cẩu-thả đến nỗi, theo lời than của một nhà nho có tân-kiến—ông Lê Dư, đã đi trước tôi ở diễn-đàn này — đẻ con cho nhiều mà « tuy có đầu người chứ chẳng có con người, chính như câu thơ của ông Tú-Xương: *bồng bế nhau lên nó ở non* ».

Người Việt-Nam ưa tiến-hóa ư? Ưa tái-tạo ư? thì đã chẳng đến nỗi sau mấy nghìn năm lịch-sử, vẫn u-u minh-minh chẳng biết tình-thế năm châu, mà Nguyễn Trường-Tộ nói chẳng có người nghe, mãi đến nay mới biết tiếc thương Nguyễn Trường-Tộ.

Đó là cái cảm-tưởng của người yếm-thế, nhưng người yếm-thế không bao giờ đối với thế-sự có cái đức công-bằng. Ta phải công-bằng mà xét lại lịch-sử của ta, thì ta sẽ thấy rằng ông cha ta không phải là không hoạt-động, không tiến-hóa, không tái-tạo. Sự hoạt-động của ta, là bà Trưng bà Triệu, là Lý Nam-đế, là Mai Hắc-đế, là Trần Hưng-Đạo, là Lê Lợi, là Thế-tổ Cao-hoàng nhà Nguyễn. Duy cái tính hoạt-động của ta có từng cơn từng lúc, (*sursauts*) đó thôi. Sự tiến-hóa của ta, tức là học văn-minh Tàu nhưng không chịu mãi mãi chịu một cái quyền nội-thuộc hà-khắc; tức là cuộc « Nam-tiến » khiến cho ta cơ-hồ đoạt dưới quyền ta bao nhiêu giống người Chân-lạp Cao-mên. Sự tái-tạo của ta, là nhiều trang lịch-sử đời Trần đời Lê, và buổi Cao-Hoàng lập quốc.

Phương chi ngày nay ta gần người Pháp, học người Pháp, tập-nhiễm những tính hoạt-động, tiến-hóa, tái-tạo của người Pháp, lẽ nào ta lại chẳng dám hi-vọng vào tương-lai của chúng ta? Lẽ nào đối với câu hỏi: « Nước ta có thể có một cuộc đời mới chăng? » ta lại chẳng quả-quyết mà đáp rằng: « Có! ».

## II

## Nhiệm-vụ bạn thanh-niên trong sự vận-động một cuộc đời mới

Bao nhiêu tôi vừa nói: « Làm thân một người An-Nam ở đời bây giờ, thật là khó. Làm thân một người thanh-niên An-Nam ở đời bây giờ, càng khó hơn ».

« *Con sông Thương nước chảy đôi dòng, đèn khêu đôi ngọn, biết giong ngọn nào?* » Câu ca giản-dị ấy, đối với người nghe mà nghĩ đến thời-thế, sao thấy nó lâm-li lắm thay! Nhưng ca rao là cái hồn thơ tự nhiên của ông cha ta, cho nên lại là cái triết-học tự-nhiên của ông cha ta nữa. Bởi vậy, đã hỏi câu: « *Con sông Thương nước chảy đôi dòng, đèn khêu đôi ngọn, biết giong ngọn nào?* » thì lại có câu trả lời luôn: « *Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào, muốn ăn xim chín thì vào rừng xanh. Đôi tay vin cả đôi cành, quả chín thì bứt quả xanh thì đừng* ».

Cái nhiệm-vụ thứ nhất của bạn thanh-niên là biết: « *Quả chín thì bứt quả xanh thì đừng* ».

Bạn trẻ, nghiễm-nhiên đã hóa ra người đi tiên-phong trong cuộc đời mới của cả nước. Vì trong sự gặp gỡ của Đông-phương và Tây-phương, bạn-trẻ là người được gần cái văn-minh Tây-phương một cách mật-thiết hơn những bực tiền-bối. Tôi còn nhớ thủa nhỏ nói truyện với một vị giáo-thụ nhà nho có một chút Tây-học. Nói về luân-lý Âu-tây, cụ giáo bẻ tôi rằng : « Anh tưởng tôi còn lạ cái luân-lý Âu-tây của các anh ư ? Tôi đã đọc sách của họ rồi. Luân-lý gì cái luân-lý : « Tôi hôn mẹ tôi », « tôi hôn cha tôi », « tôi không ăn tham », « tôi yêu thầy giáo tôi », sao đem ví với luân-lý Á-đông được : Thì ra cụ giáo đã lấy một quyển « *Lectures Toutey cours préparatoire* » nào đó làm tiêu-biểu cho cả luân-lý-học phương Tây. Ta không nên cười những bậc nhà Nho như cụ Giáo, dù những bậc ấy cũng có cái lầm như cụ Giáo.

Trong sự vận-động cuộc đời mới, ta có cái chức-trách làm một sợi dây liên-lạc. Liên-lạc Đông và Tây, vì, mặc cho nhà văn RUYDYARD KIPLING bảo Đông Tây chẳng gặp nhau được, ta đã thấy Đông và Tây nó gặp nhau ở trong trí ta, trong người ta. Nhưng ta lại phải đem sự gặp gỡ ấy phô-diễn ra ngoài. Trong khi phô-diễn ra ngoài, ta phải biết phân-biệt những điều gì truyền-bá ra thì đồng-bào ta có thể nghe ngay, mà nghe là có ích cho đồng-bào ta ; những điều ấy, theo cách nói bóng trong câu ca-dao, tôi xin phép gọi là những « *quả chín* » Còn nhiều điều khác, cũng hay, cũng đẹp, nhưng hay và đẹp đối với riêng ta, đó tức là những *quả xanh* theo lời ca-dao vậy.

Làm sợi dây liên-lạc, ta lại phải biết điều-hòa. Điều-hòa cho không có những sự xung-đột đáng tiếc giữa phái thanh-niên và các bậc lão-thành, là những bực mà trong gia-đình thì có quyền khiến ta phải vâng lời, ngoài xã hội thì giữ một phần dư-luận đủ gây chung quanh những công việc của ta một mối tin hay một mối ngờ, một cái thiện-cảm hay một cái ác-cảm.

Bạn trẻ ta theo tây-học, nhưng sinh ở một nước mà tây-học mới nhập cảng vào được ít năm nay ; bạn trẻ ta ưa nhiều cách sống của người Thái-tây, nhiều phong-tục tập-quán mà ta trông thấy người Thái-Tây vì theo đắc đã gây ra một cuộc đời quang-đãng, nhưng phong-tục tập-quán ấy, không thể chốc lát chiếm cái chỗ của phong tục tập-quán cũ, từ trước vẫn an-vị bất-di bất-dịch. Vả lại bạn trẻ tây-học ta, đã hay rằng sau này càng ngày càng đông hơn, nhưng hiện nay rất ít so với số người trong nước. Nơi thành-thị đã vậy, lại còn chỗ thôn-quê, ở thôn-quê thì bạn trẻ tuổi chỉ có tuổi là trẻ, chứ óc vẫn cũ.

Ta đừng vội khinh những người ấy vì, trong sự bắt chước người Âu-tây ta đã từng biết rằng : bắt chước chỉ có thể đến một cái giới-hạn mà thôi, chứ không bao giờ trăm phần theo đúng trăm. Mà nếu trăm phần theo đúng trăm, thì lại là nhục lắm chứ có vinh gì « *Ta có hồn, há mượn hồn ai* ».

Vậy cái nhiệm-vụ thứ ba của bạn trẻ, là mượn cái văn-minh Tây-phương mà chấn-chỉnh lại những cái hay trong văn-hóa của mình. Như vậy mới khỏi mang tiếng là « coà vẹt » hay « con hầu ». Như vậy, không phải là dủ nhà về tắm ao tù, mà chính là khai lấy một con sông rộng cho cái ao vẫn là « ao ta » mà số đông người nhà ta vẫn có nhất-định tắm ở đấy, chẳng tắm ở đâu. cái ao ấy ta phải mở lối cho nó thông với một dải tràng-giang, sẽ đưa nước trong-sạch ngọt-ngào tới cho nó.

Tới đây tôi muốn bạn trẻ hiểu rõ mà đừng vội ngờ cho tôi muốn thoái-bộ. Tôi là một người bản-tính ôn-hòa, cho nên những ngu-kiến cũng ôn-hòa. Tôi cũng đã nhiều phen muốn đi nhanh, nhưng hoàn-cảnh giục phải đi chậm; tôi cũng nhiều phen muốn « phá bỏ hủ-tục » nhưng sau cũng phải công-nhận rằng nếu cái gì cũng phá bỏ, thì không kịp lấy cái gì thay ngay vào một cách thích-hợp. Không có cái thay vào cho thích-hợp, thì tức là muốn cải-cách lại làm tan-nát hỗn-độn thêm lên.

Thế cho nên bao giờ chắc « có mới » thì hãy « nới cũ »; nếu không chắc mà đã nới, thì thả mồi bắt bóng, sôi bỏng bỏng không. Về phương-diện quốc-gia, ta không có quyền thả mồi bắt bóng.

Tuy nhiên, nếu trong bạn trẻ, có ai là bậc phi-thường lỗi-lạc hơn hẳn người khác, thì đối với những bậc ấy, tôi lại sẵn lòng công-nhận cho có cái quyền sống một cách khác thường. Cứ *mới* hẳn đi, mà lấy cái *mới* ấy làm được danh-diện cho quốc-thể, vẻ-vang cho giống nòi, thì cũng nên mới hẳn mà quên bẵng lề-lối cũ. Những người ấy tôi gọi là những người « đi sứ ». Ông Mạc Đĩnh-Chi và các nhà đi sứ đời cổ khéo bắt chước người Tàu, thì người Tàu mới biết phục. Ai có đủ tài « đi sứ », tôi không dám đem những lời khuyên-giải quá ôn-hòa mà ngăn chí tiến-thủ. Nhưng dám hỏi: Một đời có mấy Mạc Đĩnh-Chi?

## III

## Trông gương một vài nước ngoài.

Bây giờ đến lúc trông gương nước ngoài. Trước, tôi xin nói đến cái phong-trào « cuộc đời mới » mới khởi-xướng ra ở nước Tầu, do Tưởng Giới-Thạch mới cách đây một tháng mà hiện nay đang bành-trướng. Tôi xin nhắc lại: Sau khi cách-mệnh Tàu đã thành công, nghĩa là nhà Mãn-Thanh đã mất ngôi, nước Tàu đã có chính-phủ dân-quốc (dù chính-phủ ấy chỉ là một cái danh-hiệu, mà thực-sự thì là sự chia rẽ bè kia đảng nọ, bối-rối, nội loạn, ngoại nguy), các nhà chính-khách Tàu muốn xếp đặt « một nước Tàu mới » liền tưởng rằng cải đổi những cái hình-thức đã là đủ. Hết mệnh-lệnh nọ đến nghị-định kia, họ dùng oai-quyền muốn cải-cách phong-tục. Một cái ví-dụ: việc bỏ âm-lịch theo dương-lịch, bỏ tết nguyên-đán cũ mà theo ngày tết của dương-lịch người phương Tây.

Chính-phủ hạ-lệnh cho dân phải bỏ tết cũ, ăn tết mới cùng một ngày với người Tây.

Dân Tàu đối với mệnh-lệnh ấy, xử-trí thế nào? Với câu hỏi này, xin mượn lời đáp lại của « Quốc-dân tạp-chí » là tạp-chí của người Tàu viết bằng chữ Pháp xuất bản ở Thượng-hải; trong một bài luận-thuyết nhan-đề là «Tập-quán cổ, phong-hóa mới» (*Vieilles coutumes, nouvelles mœurs*), tạp-chí đó nói về ngày tết nguyên-đán của người Tàu, tả cái cảnh-tượng tết đó vẫn náo-nhiệt dù ngày tết trái với mệnh-lệnh chính-phủ dân-quốc đã đổi âm-lịch sang dương-lịch, và đã cấm cuộc vui ngày nguyên-đán, tả quang-cảnh ấy rồi bàu rằng: hiện-tượng kia tỏ rõ rằng một vài mệnh-lệnh, thật không đủ hiệu-lực đánh đổ những tục-truyền từ trăm nghìn năm, như vậy thì thà rằng đừng ra mệnh-lệnh trái-ngược với lịch-sử, với dân-tình, dân-tâm như vậy. Nguyên-văn bài luận-thuyết, xin lược-dịch như sau này:

« Dù ở Thượng hải, ở Bắc-bình, ở Thiên-tân, hay ở khắp các tỉnh khác

trong đất nước Trung-hoa, ngày Nguyên-đán năm nay nhằm ngày 14 février, người ta đều thấy nhân-dân ăn tết to và vui-vẻ hơn mọi năm trước nhiều. Các cửa hàng đều đóng cửa, các thợ-thuyền và chủ công-nghệ cùng đều nghỉ, ngoài đường phố kẻ qua người lại rất náo-nhiệt và quần áo đều mặc thịnh-phục. Tuy vậy, các cuộc vui cũng không dám bày ra một cách huyên-náo, vì chính-phủ đã có lệnh cấm bày các cuộc vui ngày tết, cái lệnh ấy vốn là kết-quả của sự thay ngày tết theo lịch Tây vào ngày tết của lịch Tàu từ xưa. Dân Trung-hoa vẫn phải vâng lệnh, nhưng đến ngày đầu mùa xuân ngày nguyên-đán dân vẫn mở cuộc vui mừng, luật-lệ nào cấm được một dân-tộc không có quyền từng ngày nghỉ-ngơi và vui vẻ. Các nhà tổ-chức nước Tàu mới, tuyên-bố lên rằng phải giải-phóng cho dân ra khỏi vòng kiềm-chế của những tư-tưởng cũ rích, những phong-tục hủ-bại và làm chậm sự tiến-hóa. Phải, lòng nhiệt-thành đó còn gì đáng khen bằng ! Nhưng tiếc thay, sao các nhà có chức-trách chẳng nghĩ rõ một kế-sách gì hay hơn là những đạo nghị-định và những thể-lệ của cảnh-sát ? Sao chẳng hạ lệnh cho các nhà giáo-dục bọn thanh-niên phải dạy cho trẻ con Trung-hoa hậu-tiến rằng : « Hễ trung-thành với cổ-tục bao nhiêu là làm ngăn-trở cho sự tấn-tới của dân nước bấy nhiêu ? Có lẽ chỉ có cách ấy mới là công-hiệu, mới chắc sẽ khiến cho dân-tộc Trung-hoa bỏ dần những tục cũ mà gây lấy những quan-niệm mới, dẫu theo cách ấy bỏ được tục cũ, có gây được quan-niệm mới cũng còn hàng mấy mươi năm. Đến như chỉ dùng cách hạ-lệnh và sai cảnh-sát ngăn cấm thì sau mấy năm cấm ngặt, cái kết-quả ra sao nó đã sờ sờ ra đó ! »

Luận-giả dẫn nhiều chứng-cớ hiển nhiên rằng ngày nguyên-đán âm-lịch đối với người Tàu vẫn có ý-nghĩa xâu-xa và không phải là không chính-đáng cho nên người Tàu vẫn tôn-sùng yêu-mến ; kết luận nói rằng :

Chính-phủ Trung-hoa muốn chi-phối hết mọi việc trong nước, đó là rất phải. Muốn cho nước Trung-hoa mau mau cùng các nước đua chen trong trường tiến-bộ, đó chính là bổn-phận của chính-phủ, mà là một bổn-phận lớn-lao. Muốn tổ-chức một nước Trung-hoa mới, mà vì mục-đích ấy cho nên phá-hoại hết cả những tục nghìn năm, truyền từ trước, đó cũng là quyền của chính-phủ, nhưng chúng ta ước-ao rằng chính-phủ biết tránh sự áp-chế vô-ý-thức và biết theo phương-pháp hợp lẽ phải hơn một chút. Muốn cho sự xếp đặt mới có kết-quả hay, trước hết phải tập cho dân quen và hiểu những phong-tục mà chính-phủ muốn bắt dân phải theo. Đối với những phong tục mới ấy mà dạy cho đề mai sau bọn ấy lớn lên làm dân làm người thì biết theo kỷ-cương mới một cách không sai lầm. Nhưng việc ấy là một việc phải có kiên-nhẫn, phải lâu năm mới làm thành. Còn như những người Tàu đã có cái óc « cựu Trung-hoa », đã nói ra miệng rằng : « Chúng tôi xin sống theo lề-lối của tổ-tiên » thì cho phép họ được như ý, phỏng có hại gì ? — Họ có biết kính trọng cổ-tục thì họ mới biết kính-trọng chính-phủ mới, mà họ sẽ biết kính-trọng chính-phủ một cách chân-chính, hơn là những hạng người giáo-dục kém, tưởng lầm rằng mặc áo theo mốt *Paris*, ấy là chúng đã hết bổn-phận với dân với nước. »

*(Kỳ sau sẽ đăng hết)*

NGUYỄN-TIẾN-LÃNG

# NAM-PHONG NGÀY TRƯỚC
# NAM-PHONG BÂY GIỜ

■

*Cùng các bạn đọc Nam-Phong.*

*Đã được bốn kỳ rồi,* Nam-Phong *đổi thể. Vì sao có sự thay đổi ấy, trong số đầu* Nam-Phong *thế mới đã từng nói rõ. Nay tôi bỗng-nhiên có một phần trách-nhiệm trong việc chấn-chỉnh* Nam-Phong. *Vậy xin nối thêm vài lời nói về mục-đích những công-việc mà tôi muốn làm do* Nam-Phong.

« *Chấn-chỉnh* Nam-Phong *Tạp-chí* » *cái mục-đích ngụ trong sáu chữ đó có phải là quá cao hay chăng?*

*Một tờ tạp-chí như* Nam-Phong, *trong bao nhiêu năm trời, nhờ một tay chủ-nhiệm kiêm chủ-bút như Phạm-Thượng-Chi tiên-sinh, đã nghiễm-nhiên chiếm lấy một địa-vị rất cao trong văn-giới, chính-giới nước ta; dù ngày nay tình-hình* Nam-Phong *có kém xưa, ta cũng không nên quên lịch-sử* Nam-Phong *ngày trước.*

*Từ lúc ra đời,* Nam-Phong *đã gây nên những phong-trào về văn-chương, về học-thuật, về luân-lý, về chính-trị,— đã luận-bàn một cách sâu-xa mà thiết-thực về nhiều vấn-đề có quan-hệ đến quốc-gia. Nhiều tư-tưởng của* Nam-Phong *đã truyền-bá, ảnh-hưởng hiện nay cũng còn vang-động đến thời-cục.*

Nam-Phong *được như vậy là nhờ cái học-vấn, cái tài-danh của Phạm-tiên-sinh, cho nên trước đây, cái tên* Nam-Phong *gần như lẫn với tên Thượng-Chi, đó cũng là đích-đáng vậy.*

*Nhất là sau khi văn-gia Phạm-Thượng-Chi đổi là một nhà chính-trị, từ giã* Nam-Phong *mà vào chốn thần-kinh làm vị đại-thần nhận những trọng-trách mới,* « điêu-khắc vào cái khối thực-sự những hình mà trước kia chỉ điêu-khắc vào cái khối vô-hình », *theo câu thơ của* Victor Hugo, *thì dẫu rằng những nhà trự-bút vẫn tận-tâm theo gót Phạm tiên-sinh để cho* Nam-Phong *vẫn giữ cái địa-vị, cái chức-trách từ xưa, nhưng* Nam-Phong *không có cái vẻ rực-rỡ xưa kia. Đó không phải là lỗi người viết, mà là lỗi thời thế đổi thay nhanh chóng.*

*Cho hay một đời hồ dễ có mấy Thượng-Chi!*

*Ở chốn Thần-kinh, quan Thượng-thư bộ giáo-dục vẫn còn nhìn lại chốn cũ, tờ tạp-chí yêu qui— nhưng việc quyền chính là gánh nặng, quan Thượng Phạm chẳng còn có thì giờ qui với văn-chương.*

*Thế rồi dần-dần có một cái tiếng đồn...*

*Đố ai biết những tiếng đồn, mà nhất là tiếng đồn sai, vì đâu, dùng cách nào, mà sinh ra, mà truyền đi mau chóng?...*

*Cái tiếng đồn về* Nam-Phong *mà chúng tôi đã từng nghe đến tai :* « Nam-Phong *già rồi !* Nam-Phong *cũ rồi !* »

* * *

*Đó là tiếng đồn rất sai, nhưng thực hay hư, đã có tiếng đồn, không cải-chính sẽ có thể xảy ra một cuộc tranh-biện của hai phái cũ và mới xung-quanh cái chủ-nghĩa* Nam-Phong, *cái tinh-thần* Nam-Phong *hay sao ?*

*Nhẽ nào một tờ tạp-chí như* Nam-Phong, *bấy nay đã có công-trạng với quốc-dân, mà ta lại để bây giờ có một sự bán-tín bán-nghi như vậy ?*

Sinh, *tức là* hóa ; *có sống, phải có đổi thay. Vả lại nhiều khi đổi thay mới giữ vững đặc tính của mình.*

*Vậy muốn* « *cải-chính tiếng-đồn* » Nam-Phong *định thay đổi,* Nam-Phong *định chấn-chỉnh.*

*Sự* chấn-chỉnh *từ trước tới nay thế nào, độc giả đã rõ. Sự chấn-chỉnh từ nay về sau, kết quả chỉ có một phần là ở trong tay tôi. Vì ban khảo-cứu của* Nam-Phong *do cụ Tú Đông-Châu Nguyễn Hữu-Tiến, cùng các bậc nho-gia giúp* Nam-Phong *bấy nay, vẫn mỗi kỳ sẽ có các bài theo cái đặc sắc những bài của những văn-gia ấy, mà quốc-dân và bạn* Nam-Phong *đã từng thưởng-thức.*

*Về phần tôi, muốn* Nam-Phong *theo một tôn-chỉ thanh-niên, muốn* Nam-Phong *không thuộc vào phái những người khinh bạn hậu-sinh, bạn tân-tiến. Trái lại, tôi cũng muốn* Nam-Phong *không thuộc vào phái những người muốn gây một cuộc xung-đột giữa những thanh-niên và bực lão-thành.*

*Những kẻ nào dám cả gan vẽ ra cái cảnh-huống hỗn-độn vô-lý ấy, đáng khinh mà đáng chê.*

*Về phần tôi, dung-hòa cái tinh-thần* Nam-Phong *ngày trước với cái nguyện-vọng của tôi, tôi sẽ để cho* Nam-Phong *đối với sự hỗn-độn, bất cứ về phương-diện nào, vẫn phản-đối, vì vẫn theo có một chủ-nghĩa, có một tinh-thần. Chủ-nghĩa* Nam-Phong, *tinh-thần* Nam-Phong *là trật-tự, là điều-hòa, là dung-hợp*

*Tinh-thần* Nam-Phong, *chủ-nghĩa* Nam-Phong *là tinh-thần chủ-nghĩa* kiến-thiết.

*Kẻ thù của* Nam-Phong *là sự phá-hoại liều-lĩnh.*

* * *

*Tôi nhận làm* Nam-Phong, *trong lòng tôi cũng như toàn-thể quốc-dân, chỉ ước mong có một điều : Sao cho nước ta* tiến-bộ.

*Tôi tin rằng : nếu trong một xã-hội, trong một quốc-gia, mà ai nấy đều mê-man về những sự mới-mẻ mập-mờ, tự phụ cho rằng mình là hay là giỏi, rồi chỉ biết vung tay phá-hoại, thì tiến-bộ căn-cứ vào đâu ?*

*Việc phá-hoại, bất-cứ ai cũng có thể làm được. Kẻ tài-hoa phải biết bao nhiêu tháng ngày ngẫm-nghĩ, mới làm nên một áng mỹ-thuật để ngụ cái mộng tưởng, cái tư-tưởng của mình ; nhưng đứa giã-man ngu-si, chỉ một nhát búa, cũng đủ phá tan một áng mỹ-thuật.*

*Nhưng phá bỏ cái cũ tìm tòi cái mới, có nhiều khi chỉ là cái ảo-mộng, nếu sự tìm kiếm kia chẳng có phương-châm.*

*Trong xã-hội ta ngày nay, tôi thấy nhiều người như nản chí, nhọc lòng, thất-vọng. Những tiếng reo kỏ của phái*

« phá-hoại », đã làm chán cả giống nòi, đã khiến cho bạn trẻ không có tín-ngưỡng gì ; mỗi khi vẳng nghe tiếng gọi của lịch-sử của ông cha thì như ngờ như thẹn, nhưng cái tiếng gọi ấy vẫn càng ngày càng khẩn-khoản ; lại có phen thanh-niên đã bị lừa bởi những ánh sáng của vừng đông giả-dối, nên thanh-niên không biết rằng một mai cái ánh sáng chân-chính có soi tới dân ta, và sẽ tự đâu mà tới dân ta ?

Làm thế nào phân-biệt là-thuyết và lẽ phải ? Có lẽ nên nhận như sau này chăng :

Phàm phái nào ta thấy có công-phu kiến-thiết, có công-lao gây dựng nên công-cuộc gì hiển-nhiên, thì có lẽ phái ấy có giữ một đôi phần chân-lý, ta nên giúp.

Còn phái nào chỉ thấy ngang-nhiên phá-hoại, chẳng biết phá-hoại xong rồi thì sẽ lấy gì thế vào cái mà mình đã phá, thì hẳn là trong phái ấy chỉ có những sự mơ-mộng không đâu.

Đó là một cách phân biệt, dù có chút giá-trị hay chăng, tôi cũng muốn đem giới-thiệu nó cùng quốc-dân mà đem làm tôn-chỉ Nam-Phong.

Bấy lâu, Nam-Phong tạp-chí cơ hồ như người ta coi là một bà lão quá ư nghiêm-nghị.

Người ta thường có khi nghe truyện Nam-Phong cũng gần như nghe truyện các bà lão kể : chẳng nghĩ để hiểu truyện, người ta có cái thành-kiến rằng tất câu chuyện chỉ nói về cuộc đời dĩ-vãng ; rồi vì có cái thành-kiến ấy, người ta không kiêng nể gì, mà cho dẫu chẳng nói ra miệng thì cũng nghĩ thầm trong bụng rằng : « Bà lão nói lẩn-thẩn » !

Kỳ thực, những câu chuyện « bà lão » nói ra vẫn xác-đáng lắm, lý-thú lắm.

Chẳng qua vì bộ áo ngoài nó làm hại bà, để cho bà mang tiếng là già là lẩn đó thôi !

Tôi muốn từ nay Nam-Phong không phải là một bà lão, Nam-Phong lại là một cô thiếu-nữ hảy hảy ! Này đây, chẳng phấn chẳng son, nhưng xin chịu mặc cái áo chẽn hơn xưa một chút để vẽ cái nét thướt-tha của mình vóc, xin chịu rẽ đường ngôi lệch sang bên một chút, chứ không giữ đường ngôi lối cồ ở ngay giữa chán, thẳng đường sống mũi đi lên, Nam Phong tô-điểm lấy mình, các khán-quan sẽ thấy vẻ xuân tươi tỉnh, nét hoa đậm-đà ; mà đẹp này là đẹp chân-chính, chẳng phải là cái đẹp của người trong cái hạng người mà thi-sĩ BAUDELAIRE đã thóa-mạ trong câu thơ :

« Sắc đẹp chẳng qua là đồ mã,
Của ấy là những của lầm tật bệnh, sinh
ra bởi một thế-giới đê hèn !

« . . . beautés de vignettes,
Produits avariés, nés d'un siècle vaurien ! »

Người xinh mà tiếng nói xinh, dù nói toàn một giọng đứng-đắn, nhưng câu chuyện chẳng chịu nhạt. Cô thiếu-nữ « tân-thời » nay lại nói tiếng Pháp nữa, cũng như tôi, cũng như các ngài ! Cô thiếu-nữ xin thôi không nói chữ nho ! (Nam-Phong thêm một phần chữ Pháp, bỏ phần chữ nho).

Đối với cái sắc đẹp kín đáo của Nam-Phong tôi xin tô-điểm một đôi phần, mong những nhà thức-giả lẽ nào nỡ bắt công mà chẳng thưởng-thức, chẳng trọng, chẳng mến người giai-nhân mới ?

Thế-giới này là thế-giới thanh-niên. Ở nước nào, « cái giờ của thanh-niên » hình như đã tới rồi, mà riêng ở nước ta, trên ngai rồng, đức Kim-thượng và Nam-Phương Hoàng hậu, chính là tinh

biểu rất hùng-hồn của bóng thiếu-quang đang giở lại chiếu khắp non sông cũ.

Mong cho trong nước được một chính-sách thanh-niên, có một tinh-thần thanh-niên, nguyện-vọng ấy của thanh-niên ta, rất là đích đáng.

Hai nhà làm báo trứ danh Pháp là ông MARIUS và ông ARY LEBLOND mới đây, trong tạp chí La Vie, có nói: «Chính-sách nào được trường-cửu cũng đều là chính-sách có cái thi-tứ thấm-nhuần, mà thi-tứ là nghĩa sao, nghĩa là cái tinh-thần thiếu-niên mãi mãi tái-sinh vậy.»

Chúng tôi cũng theo một tư-tưởng ấy, một đường lối ấy, vì thế mà nhận làm báo Nam-Phong đổi mới, chỉ ước-ao càng ngày càng có chút công kiến-thiết, gây dựng nên một vài công-cuộc hiển-nhiên, chứ không chịu là kẻ chỉ một mực chê-bai và phá-hoại; ước-ao cho cái công-lao kiến-thiết được thật nhiều kết quả về khắp các phương-diện. Muốn tới mục-đích ấy, lẽ tất-nhiên sẽ phải cậy nhờ đến khắp quốc-dân, không phân-biệt các giới và các đảng phái nào, không phân-biệt kẻ già người trẻ.

Lẳng lặng mà làm việc một cách khiêm nhượng, một cách ngay thẳng, làm việc theo cái tín-ngưỡng của chúng tôi, làm việc để tái tạo nước Việt-Nam cho khỏi mang tiếng hủ-bại và không thích-hợp với thế-giới mới, cho thành một nước Việt-Nam mới, xứng-đáng với lịch-sử bốn nghìn năm, cho có thể-diện với các giống nòi khác trong năm châu.

Mục-đích Nam-Phong, công-việc Nam-Phong, về phần tôi, chỉ biết theo những lời tự-nguyện đó.

Dù hiện nay công-việc trong tòa-soạn Nam-Phong, những việc gì thuộc về ban khảo-cứu thì tôi không dám nhận một chút trách-nhiệm nào song riêng tôi thì chỉ biết thờ chủ-nghĩa thanh niên, chỉ muốn cùng anh em thanh-niên mượn Nam-Phong làm cơ-quan mà thử lo-tính một vài sự kiến-thiết, cải-tạo, cho có ích một đôi phần trong cái cuộc đời mới của nước cũ bốn nghìn năm.

HÁN THU

Đọc trong **NAM-PHONG** số tới đây:

*Những nguyện-vọng của dân An-Nam* của **Nguyễn Tiến-Lãng**

*Lại tới Thần-Kinh và (du-ký)* của **Nguyễn Tiến-Lãng**

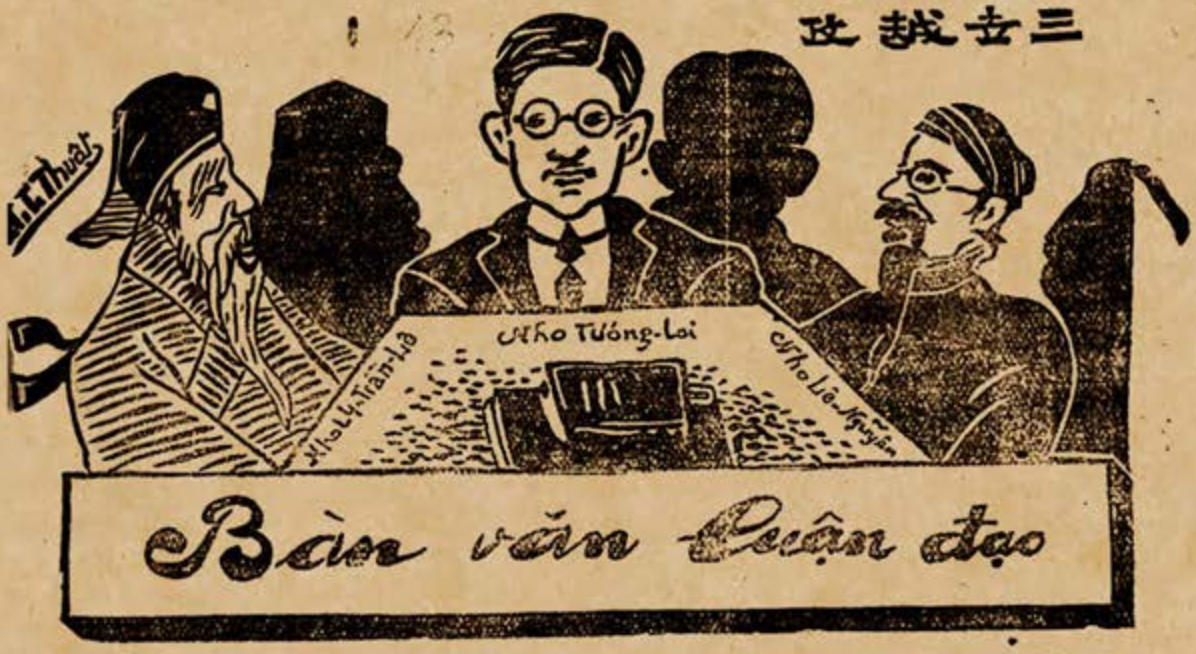


# GIẢI VÀ DỊCH LẠI CÂU SÁCH LUẬN-NGỮ' CHO BÁO PHONG-HÓA

■

Cho được thực-hành cái việc « Làm cho người ta biết đạo Khổng là không hợp-thời nữa», *Phong-hóa* số 98, ông Nguyễn Tường-Tam—bài ấy ký tên hiệu là Tứ-ly, nhưng cũng là ông Tam, theo tính-cách báo ấy nhận như thế — đã đem một câu trong sách **Luận-ngữ**, lời Khổng-tử nói khi ở trên sông, dịch và phê-bình một cách trào-phúng. Ý ông Tam cho lời ấy là tầm-thường.

Ông Tam thác ra một hôm ông cũng đứng trên sông — trên cầu sắt sông Nhị — cũng ngắm dòng nước chảy như Khổng-tử khi xưa mà nhớ đến một lời của Khổng-tử do thấy nước sông chảy mà nói ra. Cứ trong nguyên-văn ở **Luận-ngữ** thì trên câu đó chỉ có năm chữ: «子在川上, 曰 **Tử tại xuyên thượng, viết** = Phu-tử ở trên sông, Ngài nói rằng» thế thôi. Nhưng ông Tam muốn chứng cho câu của Khổng-tử đó là tầm-thường, trước khi dịch, ông bịa thêm vào hai chữ «buột mồm» mà nói **Phu-tử buột mồm mà than rằng:**

**«Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ»**
逝者如斯夫不舍晝夜

Thế rồi ông dịch một cách kín-đáo vào trong hai cái dấu ngoặc :
«Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi.»

Phải, buột mồm là lời nói không nghĩ, nước sông ở đâu bao giờ chẳng đêm ngày cứ chảy như thế mãi cho đến lúc cạn hết mới thôi, thì còn chảy như thế nào được. Cứ như câu ông dịch ra đấy thì câu ấy là lời buột mồm thực, lẩn-thẩn quá, không đủ lô-dích (*logique*) một tí nào! Thực như: «Nửa đêm giờ

tí canh ba, vợ tôi con gái đàn-bà nữ-nhi! »

Thế mà sao Khổng-tử cũng nói, thế mà sao họ vẫn tôn-sùng là phát-minh, là thánh-nhân. Nghĩ vậy ông bèu phê-bình: « *Thế mới biết thánh-nhân có khác (tôi không nói tôi đâu đấy, tôi chỉ đức Khổng kia), có thánh nhân mới phát-minh ra rằng nước sông cứ chảy hoài... chạy đến lúc cạn.* » Ông Tam phê như thế là để làm cho hợp với nghĩa hai chữ « buột mồm » mà ông đã bịa ra trên kia.

Nhưng mà nghĩa câu ấy có phải như thế đâu. Ông Tam lầm to. Ông Tam mà hiểu lầm nghĩa lời nói của Khổng-tử, cũng không lấy gì làm lạ. Sự công-kích Khổng-tử ngày nay cũng là sự thường, miễn là phải nói sao cho đáng. Vì còn có cả một nước văn-minh hiện-thời, đang làm quang-đại cho Khổng-học kia mà. Vậy sao chưa hiểu hết nghĩa như câu này mà đã hấp-tấp công-bố lên báo, bàn dịch phê-bình như thế. Thế ra ông Tam khinh cả chân-lý, khinh cả thiên-hạ hậu-thế ở cõi Đông-Á này dư? Hay là nghe ai?

Câu này là lời tỉ-dụ. Khổng-tử nhân thấy nước sông cứ chảy luôn không lúc nào ngơi, Ngài bèn nghĩ sự biến-hóa trong vũ-trụ, trong từ thân ta, ngoài đến vạn-vật, ở đâu bao giờ cũng đều đang qua đi không lúc nào ngơi như thế, Ngài mới đem những việc kia mà tỉ-dụ với việc này, mà nói ra câu ấy. Về văn-pháp (*grammaire*) câu ấy (逝者, 如斯夫, 不舍晝夜 thệ giả, như tư phù? bất xả trú dạ) thì nghĩa đen như thế này:

Hai chữ « 逝者 thệ giả » là một hợp-từ (*mot composé*) = những việc đang qua đi, tức là những việc đang biến-hóa của vũ-trụ, khác với « vãng-giả 往者 » là những việc đã qua đi mất rồi[1].

Còn chữ « 斯 tư » là thế danh-từ (*pronom*) = *thế này*, thay cho sự chảy luôn không ngơi của dòng nước sông đương lúc Khổng-tử trông thấy đấy.

Ý tỉ-dụ hai việc như thế là đúng rồi, nhưng còn hỏi gặng lại cho thêm vững lý, nên mới có chữ « 夫 phù » là trợ-từ = *Chăng?*

Vậy thì câu này phải dịch như thế này mới đúng: « Những việc qua đi đều đang qua đi như thế này chăng? suốt ngày đêm không lúc nào ngơi ». Hay là: « Những việc đang qua đi đều ngày đêm không ngơi như dòng nước chảy này chăng? »

Như thế câu của Khổng-tử nói, là hai việc khác nhau, chứ không phải là một. « 逝者 = *Những việc qua đi* » là một việc; « 斯 *thế này* » thay cho dòng nước chảy là một việc. Mà chữ 如 = như » là tiếng vừa để nối vừa để so-sánh. Thế là câu nói ấy tự nó lọn nghĩa rồi, không phải giải thêm, người ta cũng đủ mà hiểu. Vả, như thế là Phu-tử nghĩ kỹ mới nói đấy chứ, sao lại là buột mồm được.

Thế mà ông Tam tưởng câu ấy là một việc, là vì nguyên chữ « 逝 thệ » mà cắt nghĩa theo tiếng ta thì nó có nhiều cách: *Đi* (người), *qua* (việc), *chạy* (ngựa), *chảy* (nước). Ở câu này lại là lời nói ví dòng nước chảy, nên ông tưởng ngay « thệ 逝 » là chỉ về

(1) *Giả* 者 là danh-từ trống. Một hay là nhiều: người ấy, cái ấy, việc ấy, khi hợp với tiếng nào thì mới thành tên về tính-cách ấy. Như: *độc-giả* 讀者, *tác-giả* 作者, *diễn-giả* 演者 đều về lối hợp-từ này.

nước chảy, mà quên mất hai chữ « giả 者 » với « phù 夫 ». Ông Tam bèn dịch là : « *Đêm ngày cứ chảy luôn như thế mãi* », thành ra chỉ có một việc mà thôi. Nếu như ông đã dịch : Nước sông cứ chảy luôn như thế, thì ai còn lạ gì, mà nguyên-văn còn dùng chữ « phù 夫 » để hỏi gặng, hầm với hử cái gì nữa.

Vả nếu câu ấy mà không phải là lời tỉ-dụ để so-sánh hai việc mà chỉ là nghĩa đơn theo có một việc, thì không có hai chữ « giả 者 với phù 夫 », mà phải có chữ « kỳ 其 = Nó (*qui*) » như : « 其逝如斯不舍晝夜 Kỳ thệ như tư, bất xả trú dạ ! = Nó cứ chảy suốt đêm ngày như thế mãi ! »

Nhưng trên câu này không thấy nói gì, mà bỗng dưng thò ra « nó cứ chảy luôn như thế mãi », thì ai biết là chuyện gì. Phi khuyết-văn thì bất-thành *logique*.

Phàm lời nói nào có lọn nghĩa, thì mới nhân đó mà giải nghĩa cho thêm tường ra được. Chứ như ông Tam đã dịch : « Cứ chảy như thế ... » thì nó cứ chảy như thế mà thôi, còn căn-cứ vào đâu mà đoán cho lời ấy là ý thế này thế nọ được. Đoán ra ngoài như thế là sa lạc vào chỗ sai-lầm (*tomber dans l'erreur*).

Ấy thế mà ông Tam cũng cứ giải nghĩa tràn đi. Giải để mượn mà công-kích phái Nho không theo lời thầy. Phải, đạo Khổng sai mất chân-truyền đã lâu, cái đó đời đã công-nhận rồi. Còn ông giải là : « Ý Phu-tử cho sự vật biến-đổi luôn, thành ra rồi lại khác đi ». Đem chữ « *thành* » giải nghĩa vào đây, đủ biết ông chưa thâm hiểu được cái nghĩa « biến-hóa luôn » ở trong câu nói ấy của Phu-tử, cũng như ở trong thuyết Thiên-diễn (*l'évolutionnisme*) của Thái-tây.

Câu « những sự qua đi như nước chảy » này là một cái luật trong Dịch-học ngày xưa, một cái luật trong Thiên-diễn-học ngày nay. Sự qua đi hay là sự biến-hóa đã không lúc nào ngơi, thì còn lúc nào *thành*. Cho nên một hiện-tượng nào trong vũ-trụ cũng vậy, bề ngoài thoạt coi tưởng là *thành*, mà bề trong vẫn biến-hóa luôn, nào đã lúc nào *thành* đâu. Chúng ta cũng thế, cái cầu sắt sông Cái mà ông Tam dùng bắt chước Khổng-tử cũng ngầm nước chảy cũng thế, quả địa-cầu này cũng thế, chẳng cái nào có lúc *thành* cả. Thế mới là « đang qua đi như nước chảy » chứ. Cho nên nhà Thiên-diễn-học Thái-tây không nhận có đời « *kim* ». Đã không có đời « *kim* », còn làm gì có *thành*. Đó là một nghĩa triết-lý rất tinh-vi trong Thiên-diễn-học, bởi một ông tổ xướng ra từ hơn hai nghìn năm trước.

Khoa Thiên-diễn-học mới hoàn-bị và thịnh-hành ở Thái-tây hơn một thế-kỷ nay. Nó bao-quát khắp các cái học khác, nó chi-phối cả mọi cái tư-tưởng ở hiện-thế. Nhưng người Tây người ta không quên ơn kẻ đã xướng ra. HUXLEY cho khoa-học này là nối cái mối đã đứt của HÉRACLITE (1), thủy-tổ cách-

(1) HÉRACLITE (576-480 trước J. C.) nhà triết-học Hy-lạp. Chủ-trương thuyết hỏa-hóa, xướng ra cái học cách-trí trước nhất ở Âu-châu.

trí-học Âu-châu, đồng-thời với Khổng Trọng-Ni.

HUXLEY có dẫn một câu của HÉRACLITE để làm trụ cho sách Thiên-diễn-luận của mình rằng:

« Đời không có kim, có quá-khứ và « vị-lai mà không có hiện-tại. Ví như « rửa chân trong dòng nước chảy, nhấc « chân lên lại để xuống ngay thì cái « nước lúc trước đã không còn đấy « nữa rồi. Là vì cái dòng cuồn-cuộn « ấy nó không đợi ta 世無今也·有過 «去,有未來而無現在·譬諸濯足 «長流,抽足再入,已非前水·是混 «混者未嘗待也(1)»

Coi đó thì biết cái học của người Thái-tây người ta biết trọng cỗi gốc là như thế. Thế mà câu trên sông của Khổng Trọng-Ni với câu rửa chân dòng nước của HÉRACLITE thì lại không hẹn mà gặp nhau. Đạo *Héraclite* ở Âu-châu nay đã có người nối mà làm cho rạng tỏ, còn đạo của Khổng Trọng-Ni ở Á-đông thì chưa có người nối mà còn bị mờ-mịt đó thôi. Nhưng hiện đã có Nhật-bản đang phục-hưng Khổng-học.

Tôi phải viết bài này là vì học-thuật của Đông-phương. Vậy Phong-hóa có đáp lại bài này, xin đừng dùng những chủ-nghĩa: *Đùa*, *cáu* và lối *ký tên hiệu*.

**Nguyễn Trọng-Thuật**

---

(1) Đừng bảo đây là dịch ở chữ Anh (Nghiêm-Phục Trung-quốc dịch) ra câu Hán-tự này, không phải nguyên-văn. Nhưng phải biết nếu câu này ở trong chữ Pháp thì cũng là dịch-văn, vì nguyên-văn của nó ở chữ Hy-lạp kia. Vả dịch đúng hay không là ở người dịch, chứ không ở thể chữ nào.

Truyện ngắn

# ÔNG PHÓ XẸ

■

NGUYỄN KHẮC-CẢN

— Sao hôm nay bây giờ bố dĩ mới về? Sao đi khập-khiễng thế kia?

— Chỉ mẹ mày làm khổ tôi. Đã bảo gạo rẻ cũng cứ bán để lấy vài hào lễ ông ấy, cho ông ấy không đánh thì chẳng nghe. Đây này, xưng cả đầu gối và con khoai lên đây này. Ở dưới đê thật nhục, lắm người không có tiền lễ người ta, thực không bằng thân con chó.

— Nào ai biết đâu, tưởng đã phải đi phu thì sao lại còn mất tiền lễ.

— Lại còn lạ gì. Hễ có vài hào thì người ta để yên cho mà làm, nếu không thì hơi đi chậm cũng phải đánh, sảo đất hơi vơi cũng phải đánh, cuốc không khỏe cũng phải đánh. Thôi, kỳ này ông phó Bịt xin thôi, tôi cố ra làm phó-lý, không thì khổ lắm, có miếng mà ăn cũng chẳng yên với họ.

— Ừ, không thì bố đĩ cố ra ma làm. Đấy ông trương Tịn trước cũng như bố dĩ, chỉ ra môn-hạ cụ Thừa có một năm, cụ lo cho làm trương tuần, nay dỡ khổ về phu-phen tạp-dịch, lại cũng có chỗ ăn chỗ ngồi. Thôi, khuya rồi, đi ăn cơm đi, hôm nay cái Khịt nó nấu được nồi riêu cua ngon lắm, tôi để phần một bát đấy. Hôm nay ở nhà tôi đã bán được thúng gạo, nài bã bọt mép người ta mới trả được tám hào chỉ, định để ngày kia làm giỗ cụ.

— Thôi hãy đành để tiền ấy để thuê người đi thay cho tôi ngày mai, chứ đau thế này thì tôi đi làm sao được. Có tốn kém ít nhiều cũng cố ra phó-lý kỳ này, cứ bạch-đinh mãi lắm lúc nhục quá, mẹ nó ạ.

∴

Độ mươi hôm sau, một ngày kia, sau khi nhà cụ Thừa ở phố chợ đã vãn khách ra vào, thì người ta trông thấy một người da bánh mật, mắt trắng rã, môi thâm sì, mình vận cái áo the dung-dúc, đầu chít khăn lượt cũ, chân lê đôi giầy hai mép đã bật; theo sau có một người chạc ba-mươi tuổi, vẻ mặt hiền-lành ngây dại, có dáng sợ hãi khép nép cùng tiến vào trước hiên nhà ông Thừa. Người đi trước cất tiếng chào: « Lạy cụ ạ », người đi sau chắp hai tay vái dài một cái chào theo: «Bẩm lạy cụ ạ».

Ông Thừa mồm mép nhanh nhảu vòn-vã hỏi:

— Kìa cụ hội cựu, lâu nay cụ mới ra chơi thế? Cụ vẫn được mạnh chứ?

— Thưa cụ vì mấy tháng nay chúng tôi bận về việc chữa lại cái tam-quan đình để tháng tám năm nay làng vào đám, nên không năng ra hầu cụ được, cụ thứ lỗi cho.

— À, thế chứ. Mời cụ ngồi chơi đây. Pha nước, mày!

Rồi ông hất hàm hỏi người kia:

— Anh có việc gì đó?

— Bẩm, bẩm lạy cụ, con nhờ cụ hội

con đưa ra cửa cụ để nhờ cụ tác-thành cho chúng con một việc.

— Việc gì thế? anh cứ nói.

Người kia sẽ rón-rén tiến lên mấy bước, khép-nép đứng tựa vào cánh cửa, tay chắp ngực, tay gãi tai, ấp-úng run-run trả lời:

— Bẩm... bẩm... bẩm lạy cụ, anh phó Bịt làng con mới được thôi, con muốn ra làm phó-lý, cụ hội con đưa ra hầu cửa cụ để nhờ cụ tác-thành cho, gọi là có chút lễ mọn ra trình-diện cụ....

Ông hội vừa hút xong điếu thuốc lào, tay buông cái xe điếu ống dài tít vứt ra, miệng hếch lên thở khói, ngắt lời người kia:

— Bẩm cụ, bác này người cùng xóm với tôi, tên là Nguyễn Văn-Xẹ, nhờ tôi ra cậy cụ lo cho hắn làm phó-lý, nhà hắn cũng khá, cấy ngót mười mẫu ruộng, nhà ngói, trâu cày, hắn muốn có chút công-danh để được trừ phu-phen tạp-dịch và ra nơi đình-trung cho có chỗ ăn chỗ ngồi....

Ông Thừa vừa nghe vừa làm ra dáng nghĩ-ngợi đáp:

— À, việc phó-lý này có lẽ khó lắm đây, vì hôm nọ cũng đã có một người tên là Trần hay Trần gì đấy ra xin quan tôi việc ấy, mà bọ khấn những (ông vừa nói vừa giơ năm đầu ngón tay lên làm hiệu) cơ đấy!

Bác Xẹ ta không hiểu là thế nào, vì từ thuở cha mẹ đẻ đến hôm ấy bác mới đến cửa cụ Thừa là một, bác ấp-úng hỏi:

— Bẩm... bẩm cụ, cụ dạy thế là thế nào ạ?

Ông hội đỡ ngay lời ông Thừa:

— Cụ dạy thế là người kia đã khấn quan năm trăm, bác muốn làm thì phải hơn thế mới được. Ở làng ta Trần hay Trần là ai nhỉ? — À, chính con cụ bá xóm trên rồi, thế thảo nào!

Bác Xẹ nghe thấy nói «năm trăm» bỗng tái mét cả mặt, tưởng chừng cắt không còn được giọt máu, ngập-ngọng đáp:

— Bẩm... bẩm, trên lạy cụ Thừa, dưới có cụ hội, như thế thì con không lo được.

Ông Thừa ngược hai con mắt ốc nhồi trắng rã lên nhìn bác Xẹ bảo:

— Anh chỉ giầu giàu, cấy ngót mười mẫu ruộng, nhà ngói, trâu sù, làm gì mà không lo được. Anh chẳng thấy ông lý làng anh tốn linh nghìn mới làm được lý-trưởng đấy ư? Thế nào là việc công danh? thế nào là «tốt danh hơn lành áo». Anh cố đi, tôi sẽ hết sức giúp cho.

Ông hội nói tiếp:

— Đấy, cụ Thừa dạy thế đấy, bác nghĩ sao thì nghĩ; khóa này mà không cố ra thì thật đáng tiếc. Quan ta bây giờ có lòng nhân lắm, lại được cụ Thừa dây thương, chẳng hơn để khóa khác ngộ không được thế ư?

— Bẩm... bẩm hai cụ, con cũng cố muốn ra làm, nhưng bác cả Trần cũng ra thì lại phải tranh nhau. Nhà bác ấy giàu lắm, cụ bá sinh ra bác ấy lại là người thần-thế trong làng, khó lòng mà con tranh được.

Ông Thừa cười nhạt lên giọng nói khích:

— Thế chẳng ra hèn lắm ư? Anh thử một phen trứng chọi với đá xem nào, thế mà được mới danh-giá chứ. Cụ hội vừa nói làng ta đến tháng tám này vào dám, anh mà cố làm được, bấy giờ ra đình anh đã ngồi chiếu trên nghe hát, mà thằng Trần thì phải vào việc dao thớt, vậy thì ai sướng hơn, tôi tưởng chừng ấy chứ nữa cũng đáng....

Ông hội nói tiếp:

— Đấy bác chẳng xem ông lý mới làng ta chẳng mất hơn nghìn bạc, thì hôm việc làng mới rồi ai đem cờ lọng đến tận nhà mà rước văn-tế ra đình, lại phần biếu phần xén luôn luôn. Hôm nọ đám ma cụ Tổng, một mình một cái lăm lơn lẳng-lẳng. Mỗi tháng hai kỳ sóc-vọng, chẳng gì cũng phẩm oản quả chuối đưa đến tận nhà. « Một miếng giữa làng bằng sàng sô bếp » anh ạ....

Bác Xẹ đứng nghe hai cụ diễn-thuyết cũng thấy bùi tai, khác nào chú chuột non ngửi thấy mùi mỡ thơm lừng trong cái bẫy, tài nào mà chẳng chui đầu vào; bác đã tưởng-tượng trong trí nào thịt nào xôi, nào hưng nào bái, nào khi khệnh-khạng đi ăn khao nơi này, ăn vọng nơi khác, nào khi xùng-xính cái áo thụng tiễn quan huyện cũ, đón quan huyện mới, danh-giá biết chừng nào! Vẻ-vang biết chừng nào! Bác tỏ ra dáng vui-vẻ và thỏ-thẻ đáp:

— Bẩm lạy hai cụ, hai cụ dạy con lấy làm phải. Hiện bây giờ trong họ con chẳng ai làm được gì, đến trương-tuần xóm trên người ta cũng làm mất. Nhà cụ bà mấy đời giữ lý-trưởng, lại vừa được thưởng bá-hộ, ăn khao lừng cả hàng tổng....

Ông Thừa ngắt lời:

— Anh cố lên, nhờ trời quan thương, làm phó-lý mấy năm, tôi lo cho làm lý-trưởng, cái gì chứ cửu-phẩm thì nắm chắc trong tay. Muốn được như vậy, anh phải cố lên chứ, không lỡ ra tên kia lo được trước thì công việc hỏng bét. Tôi hạn — hôm nay là mấy nhỉ? — à mồng năm — đến quãng ngoài rằm thì anh ra đây nhé, tiền hãy lo lấy tam-bách để cược trước thì quan mới nghe, còn thì để đến hôm lĩnh bằng phải đưa nốt.

— Bẩm vâng, cụ đã có lòng tác-thành cho, con xin cố, để sau này được nấp bóng cửa cụ ngộ mở mày mở mặt ra được với làng xóm. Cụ đã dạy thế con xin vâng, để con xin về lo-liệu.

Hai ông thấy bác đã vào chòng rồi như mở cờ trong bụng, ông hội đứng lên:

— Thôi ta về đi. Bác thế là may lắm đấy, có tôi đây là chỗ đi lại hầu cụ, cụ mới hết lòng giúp cho, chứ chỗ khác thì còn là sứt trán. Vậy về thu-sếp chóng lên nhé. — Thôi tôi xin phép cụ, tôi phải về sớm một tí vì hôm nay lại phải đi tế đám ma bên xóm giữa.....

Ba người đi ra, trông vẻ mặt mỗi người có một cái vui mừng riêng....

— Thôi, xin rước cụ trở lại, lạy cụ ạ.

— Không dám, kính cụ.

— Bẩm lạy cụ ạ.

— Phải, anh về, công việc thế đấy, anh liệu chong-chóng lên đấy.

— Bẩm cụ vâng ạ.

— À này, cụ hội, quay lại tôi hỏi nhỏ tí đã.

— Bẩm cụ dạy gì ạ?

— Này, cụ hội liệu nó có định làm thực không? chỉ sợ về lại có kẻ bàn ra, nó thôi-thì mình hốc.

— Bẩm cụ không ngại, nó định làm thực đấy. Trong họ nó chẳng có ai biết gì mà dạy khôn nó đâu, một lũ ngu-ngốc thì tôi xúi thế nào chúng nó chẳng nghe.

— Phải; cụ phải săn-sóc đến việc này mới được. Có những hạng ngu dốt dại dột thế thì mình mới bở, chứ họ mà khôn lại có học thì mình ăn gì. Lúc nẫy tôi bịa ra rằng đã có thằng

Trân ra khẩn quan năm trăm, chứ làm gì có. Thằng ấy nó tuy ít tuổi, nhưng nó có học, quan ăn được của nó cũng còn sơi nữa là mình.

— Vâng, chính thế. Nhưng muốn cho thằng này chịu mất tiền thì tôi phải đến nói với ông lý bá cho thằng ấy vờ ra tranh, để ông ấy kiếm mấy chục. Tôi lại phải xúi một thằng khác ra làm, đầu đơn tranh với nó, thì mỗi thẻ bầu của chúng tôi ít ra chúng nó cũng phải mua đến một chục.

— Phải, phải thế mới được chứ, cụ nên tìm một đứa cũng có máu mặt thì chúng nó mới hăng tranh nhau. Cốt nhất là cụ phải mưu mẹo cho thằng Xẹ nó chịu mất tiền, tôi sẽ không để cụ thiệt đâu, quan hai phần thì chúng mình một, cụ ạ.

Ông hội nghe thấy những lời hứa ngon-ngọt ấy mừng rỡ luống-cuống nói :

— Vâng, tôi biết bụng cụ lắm chứ, tôi dắt hầu cụ bao nhiêu món, món nào cụ cũng cho tôi chút phần... Thôi, lạy cụ.

— Không dám, kính cụ.

* *

Sau đó độ nửa tháng, một ngày kia người ta thấy tấp-nập trên con đường vào đình làng Nhu-xá, kẻ đi người lại, bàn-tán nhỏ to.

— Các cụ ạ, khóa này chắc bác dĩ Xẹ được, vì bác ấy đã lọt cụ Thừa để chạy với quan, lại bỏ bao nhiêu tiền mua thẻ, bác ấy đã bán năm sáu mẫu ruộng rồi kia mà.

— Không, cụ lầm, anh Bảng chắc hơn, vì anh ấy đã chạy tận trên quan phán đầu tòa rồi kia, tôi thấy mang tiền lên mấy lần rồi đấy.

— Trước tôi tưởng khủng-khoảng này thì chức phó-lý đến ế, không ngờ lại tranh nhau gớm thế. Giá thằng Ba nhà tôi mà ra thì đến hết nghiệp.

— Hai bác này rồi cũng chẳng kẻo, các cụ ạ, chưa xong gì mà đã thấy bán liếng-siếng lên cả với nhau ; xong rồi còn tạ chỗ này chỗ khác, lại ăn uống khao vọng, thì các cụ tính còn gì.

— Bác dĩ Xẹ mua đôi lợn nhà tôi để làm cỗ đãi dân hôm nay đấy mà.

— Bác Bảng cũng vậy, lúc tôi đi qua ngõ đã thấy í-oéc mổ lợn rồi đó.....

Đấy là những câu bàn tán của các ông trong hội-đồng, các ông kỳ-mục đi bầu phó-lý.....

Đến quá trưa hôm ấy thì người ta đã đồn khắp làng rằng bác dĩ Xẹ trúng rồi, pháo đốt om cả xóm, bà con đến mừng tíu-tít. Còn bác Bảng hỏng xem chừng uất-tức lắm, để trước mặt bác Xẹ rằng thế nào cũng đi khiếu-nại hết cách cho mất phó-lý mới nghe. Ở huyện không xong thì lên tỉnh, ở tỉnh không xong thì ra Hà-nội, còn mấy mẫu ruộng theo cho hết là cùng.

Bác dĩ Xẹ — à quên ông phó Xẹ — nghe những lời đe dọa ấy chẳng lấy gì làm sợ, vì ông nghĩ bụng rằng đã có cụ Thừa làm quan thầy, lại quan huyện tác-thành cho thì năm bảy thằng Bảng cũng chẳng làm gì nổi. Ông phó bản-tính hiền-lành, ra làm cũng chỉ cốt lấy chút nơi ăn chốn ngồi và tránh những cái khổ về phu-phen tạp-dịch, chứ ông cũng chẳng muốn gây thù gây oán với ai. Nhưng ông bị bọn kỳ-mục thầy dùi nó súc-siểm, những là : « Sợ gì nó, đã thế thì làm cho nó biết tay một phen nào, để không còn ai nữa đấy hẳn, chúng tôi đây làm bù-dìn à? Đi đón ả-đào về đây, đón phường chèo về đây ;

đi ra chợ lấy thêm pháo, đi mượn thêm vài cái bàn đèn, ông cứ ăn uống hát xướng linh-đình cho nó biết tay..... »

Ba Bảng nghe thấy những lời ấy lại càng thâm gan tím ruột, lại nghĩ đến ba bốn tháng nữa đây làng vào đám, phó Xẹ nó ngồi trên nghe hát, nào áo thụng đi tế, nào phần phò biếu sén, mà mình thì phải khênh cỗ làm thịt, xấu hổ biết chừng nào! nhục-nhã biết chừng nào! Thôi thì đi ăn mày cũng đành, chứ không thể để yên được. Nghĩ vậy, bác ta ngày đêm tìm cách để khiếu-nại, hết việc nọ đến việc kia, nhưng mỗi việc ông phó Xẹ cũng chỉ mất vài ba chục là êm. Ông lo lại chóng được lĩnh bằng, tiền nong đâu đấy đủ cả rồi.

Bằng đi được hơn một tháng, ông không bị đòi hỏi luôn luôn như trước nữa, ông tưởng đàng kia nó cũng thôi, nên ông được yên-ổn làm ăn — nói quả-đáng-tội cũng không còn gì mà làm với ăn, ruộng còn được vài sào ở chỗ chiêm khô rét lụt với một nếp nhà nát không ai buồn mua — yên-ổn đây nghĩa là ông không bị nay mất cho cậu lính vài hào, mai phải thết cậu lệ bữa cơm và thỉnh-thoảng cũng được khoác vai cái áo thụng đi tế vài cái đám ma đám miếc. Mỗi khi ông được miếng thịt xâu tăm mang về thì lại nghĩ đến nhà tan ruộng hết, trông thấy ở trước mặt cái cảnh cùng-quẫn khốn-đốn, thì ông lại rầu-rầu nét mặt, ra ý lo buồn...

Bỗng một hôm có giấy đòi ông ra huyện, ông cũng tưởng như mọi bận khác, hoặc quan truyền cho mượn mâm mượn nồi để nhà quan có giỗ cụ cố, hoặc việc bắt phu bắt trâng gì đấy. Không ngờ tên Bằng có đơn kiện vu cho ông bán tre bán phu vụ đê mới rồi. Lần này ông không còn biết lấy tiền đâu mà chạy được nữa, sau cùng phải bán một đứa con đi, nhưng khốn nỗi chẳng được bao nhiêu nên công việc không xong. Ông cũng hết sức đi van chỗ này, lạy chỗ khác, nhưng bây giờ của hết thì còn ai thương, họa chăng chỉ vợ con ông thương ông mà thôi.

Được độ hai tuần lễ, một buổi kia ông bị đòi ra huyện, lúc về đến nhà thì chân ông đi không vững, mặt ông tái xanh tái mét, bà phó thì đương ngồi ăn rau sam luộc với ba đứa con ốm yếu, ông trông thấy nất lên kêu to mấy câu: « Ối trời đất ôi là trời đất ôi! chúng nó hại tôi rồi, chúng nó giết tôi rồi, vợ con tôi khổ thế kia là vì đâu. Tôi phải thu bằng bãi-dịch rồi, u nó ơ. Tôi còn sống sao được ở làng này nữa! » Vừa dứt tiếng thì ông ngã vật xuống sân, bất-tỉnh nhân-sự...

Mấy hôm sau người ta đã chẳng thấy ai ra vào trong túp nhà tranh kia nữa, thì ra ông đã cuốn xéo dưa vợ con lên nơi rừng xanh núi đỏ để kiếm ăn cho qua đời một gia-đình chỉ vì phong-tục đồi-bại, nhân-tâm tân-khốc mà phải điêu-đứng lênh-đênh....

NGUYỄN KHẮC-CẦN

# CHƠI PHÚ-QUỐC (1)

■

## II

Trời sáng, một buổi bình-minh trong-trẻo. Ăn lót lòng xong ; chủ thuyền vừa đến giục, chúng tôi từ giã bà con, mang đồ xuống thuyền.

Thuyền chúng tôi đi đây là thuyền buôn, chở nước mắm đi Rạch-giá ghé qua Hà-tiên, tiện đường chúng tôi đi theo để nếm qua cho biết cái thú đi biển bằng thuyền buồm. Cái tính hiếu-kỳ và « mạo-hiểm » ấy đã nuôi sẵn trong lòng mỗi khi đọc truyện *Télémaque* phiêu-lưu, chuyện *Quả dưa đỏ* hay những bài du-ký của ALAIN GERBAULT. Đối với người quen đi biển thì Phú-quốc Hà-tiên mà đi như thế rất là thường, và rất là bình-yên ; nhưng đây chúng tôi, dùng chữ « mạo-hiểm » là nói với một kẻ con gái học-trò mới từng bước xuống thuyền đi biển lần đầu, thì trong lòng bấy giờ cũng được cái tự-phụ như chàng ALAIN GERBAULT mới bước chân xuống chiếc *Yacht* qua biển Đại-tây-dương ! Xin độc giả cho phép và đừng cười !

Thuyền chống ra khỏi cửa thì giương buồm. Gió nam thổi nhẹ. Thuyền từ-từ đi. Tôi đứng trên mui ngoảnh nhìn lại làng Dương-đông, mấy chòm nhà ẩn trong dặng cây dương xanh tha-thướt bên ghềnh, lòng tôi thấy chạnh buồn, từ-giã chốn phong-cảnh hữu-tình ; tuy Phú-quốc là chốn tôi mới đi chơi qua mà đối với nơi đó, tôi đã có nhiều cảm-tình đằm-thắm. Cảnh dễ quyến lòng người ! Thuyền đi xa. Trông lại không còn thấy rõ nữa, chỉ thấy một màu cây xanh kề làn nước trắng.

Bỗng gặp gió chướng, không chạy xuôi được, phải chạy vác. Vác suốt một ngày ròng-rã, đến chiều thì vừa tới Hòn-chảo. Neo lại đó để nghỉ đêm và tránh gió. Theo như sự kinh-nghiệm của người quen đi biển thì họ xem trời biết trước sắp có cơn giông. Mà thiệt, đầy trời mây đen mù-mịt, rồi đổ trận mưa to. Thuyền lại nhỏ, bị chở nước mắm đầy ; chúng tôi ngồi chen-chúc trong mui, chốc chốc lại vén tấm mành lên ngước dòm trời ; bốn bề tối mịt như bưng lấy mắt, thỉnh-thoảng có cái chớp sáng lòe chạy trong cõi mênh-mông mờ-mịt.

Chúng tôi ngồi vừa bàn chuyện. Có lúc cãi nhau về một vấn-đề, có lúc kể lại nhau nghe những chuyện phiêu-lưu mạo-hiểm trong sách đã từng xem, thì ai nấy đều mải nghe mà quên mất cái cảnh lạnh-lùng lo-sợ, dần-dần lại thấy đầm-ấm vui-vầy vì câu chuyện, mà tưởng mình đang ngồi ung-dung trong phòng học ở nhà. Tờ-mờ sáng thì chúng tôi đã ngồi trên mui rồi. Sáng hôm nay trời êm quá, ở trên thuyền như ở trên mặt đất, không có chông-chành xao-động gì cả. Mặt biển không có tí sóng gợn, êm-lặng như mặt nước trong ao. Ngoảnh trông trời biển toàn một màu mờ-mờ trắng điểm có mấy vệt mờ-mờ xanh. Cây cỏ trên Hòn-chảo vì nhờ có trận mưa đêm rồi, có

(1) *Xem N. P. từ số 198.*

vẻ xanh tươi hớn-hở, trông thấy được cái khí phát-sinh của tạo-hóa.

Thật là một buổi sáng vui-vầy, ánh-nắng rực-rỡ chiếu giọi trên lá cây lóng-lánh nước đọng, một đám mây thưa nhẹ-nhàng phủ trên đầu non trông như một tờ giấy mỏng phủ trên bức tranh tuyệt-tác của một tay danh-họa mới vẽ xong.

Đàn chim ríu-rít vang-lừng như chào mừng ánh sáng mặt trời rực-rỡ. Vì lặng gió, nên thuyền không chạy được. Ở mãi một chỗ thấy buồn chán vô-cùng. Trên Hòn-chảo, kề bên bãi cát trắng, nằm liền đồng cỏ xanh chạy dài đến tận bên kia hòn. Thấy bãi cát trắng tốt, lại nghe nói trên hòn có suối trong mát nên ai nấy cùng ước-ao lên bờ, nhưng vì thuyền không vô gần bờ được dành ngồi nhìn nhau thất-vọng! Nhưng cái may đã có sẵn bên chúng tôi, chiếc thuyền đậu gần có cái thuyền con. Mượn lấy bơi vô bờ. Lên được bờ rồi người mới thấy khỏe-khoắn. Bãi cát trắng phau, sóng cồn dào-dạt, chúng tôi chạy giỡn nô-đùa, nhởn nhơ như đàn bướm lượn, sung-sướng như con trẻ được quà. Có khi theo mé nước vừa đi vừa nói chuyện, có lúc rủ nhau bươi cát bắt chem-chép. Lang-thang trên bãi cho đến chiều. Trời xế, chúng tôi đi tắm suối. Dòng suối quanh co chảy, chỗ cạn chỗ sâu, nước trong và mát lắm.

Tắm gội xong trở ra thuyền. Cơm nước rồi thì trời vừa tối. Một cái đêm trong-trẻo nhẹ-nhàng ở giữa khoảng biển trời lồng-lộng.

Trên trời trăng sao sáng tỏ, thỉnh-thoảng một trận gió mát nhè-nhẹ thổi qua. Trong thuyền có người đem theo cây *mandoline*. Bấy giờ lấy đem ra; tiếng đàn dìu-dặt chìm bổng nhịp-nhàng, tiếng mau rang-rảng mạnh bạo nông-nảy như thúc-giục lòng người, tiếng khoan êm-dịu nhẹ-nhàng như tiếng ru người trong cơn mệt mỏi. Biển trời bát-ngát, lồng-lộng bao-la, mênh-mang vô-tận, lặng-lẽ cô-tịch như cõi ngoại trần, mà một tiếng du-dương bổng réo-rắt cất lên rồi tản-mác trong luồng gió, vang động đến làn sóng từng mây, khiến trong lòng cảm thấy cái cảnh thần-tiên huyền-bí lạ-lùng, tâm-hồn lay động phiêu-dao, ngơ-ngẩn như mình ở trong một cảnh mơ-màng xa-lạ nào; nửa như thiệt nửa như chiêm-bao. Rồi cảm thấy trong cảnh lênh-đênh xa nhà cửa ở giữa khoảng nước mây bát-ngát cái tiếng cố-hương như kêu gọi, mà tấm lòng du-tử cũng như bồi-hồi hoài-cảm.

Cảnh đêm ở giữa biển thật có vẻ thần-bí lạ. Mấy chòm cù-lao nằm êm-lặng trên mặt nước âm-thầm. Thỉnh-thoảng một con cá lội qua làm xao-động mặt nước hiện ra một vệt sáng trắng lòe, rồi lại tan ngay.

Đêm càng khuya, trăng sao càng sáng tỏ. Ngồi chán, lại nằm; trên mui ghe, chúng tôi tắm gió biển suốt đêm.

■

Trời sáng. Thuyền lấy neo. Gió thổi mạnh, con thuyền cưỡi sóng, chúng tôi cách Hòn-chảo đã xa. Ngảnh lại nhìn, bấy giờ mới nhận ra hình cái chảo, hai đầu hai ngọn núi cao là hai cái quai, cánh đồng bằng ở giữa bị mặt nước cùe khuất theo chiều bầu-dục của địa-cầu xa trông như hình lòng cái chảo khổng-lồ nằm ngửa miệng đời đời kiếp kiếp hứng cái tinh-khí mưa sương của trời cao rộng. Trông về phía trước bên tay mặt nhiều chòm đá đen xám, nằm rời-rạc nhau nhô lên khỏi mặt nước, xa trông như đàn trâu lội, nước ngập ngang lưng. Chỗ ấy người ta gọi là « Vũng trâu nằm ». Hôm nay gió mạnh nhưng gió ngược. Lại phải chạy vác. Thuyền lắc ghê, chòng-chành

luôn, mỗi khi thuyền trở lèo, nghiêng về một bên nào thì đồ-đạc đồ dồn về bên ấy. Chúng tôi nằm trong khoang phải trở dậy xây qua luôn, mãi cho đến chiều cũng nhọc mà cũng vui. Cái ngày tập thể-thao ở giữa biển đó nghĩ mà cũng thú !

Đến Bạch mã trời vừa chiều, mà cũng vừa lặng gió. Chiếc thuyền đi lừ đừ. Cơm nước xong chúng tôi lại lên mui ngồi ngắm cảnh. Bên tay trái chúng tôi là dặng núi Bạch-Mã. Trên đầu núi kề liền mé bãi một tòa nhà gạch là nhà nghỉ mát cho khách du-lịch. Dài theo mé bãi, lúp-xúp mấy cái nhà tắm. Phía đàng trước là chợ phố, một dẫy nhà ngói nhô lên mấy cái nóc lầu cao. Bên tay mặt chúng tôi là Hòn-tay. Về đàng xa, phía trước mặt là Hòn-tre cửa. Trời vừa tối, thấp-thoáng phía trước, xa xa ở chỗ chân trời như ngôi sao nằm lơ-lửng trên mặt nước, là ngọn hải-đăng ở cửa biển Hà-tiên. « Kia Hà-tiên là đấy ». Ai nấy đều gọi nhau chỉ cho xem, vẻ vui mừng hiện ra trên nét mặt. Cho mới biết cái hồn gia-đình lúc nào cũng vẫn sẵn có ở trong lòng người, nhất là ở bọn nhi-nữ chúng tôi.

Bên này ở hàng-phố Bạch-mã, đèn điện vừa bật lên một dẫy dài sáng rực-rỡ như sao sa, ánh sáng giọi xuống mặt nước biển, mới trông tưởng như đi ngang qua một hiệu kim hoàn, những bóng đèn điện, bóng kim-cương lấp-lánh nhấp-nhoáng trong tủ gương bóng lộn.

Gió nhẹ quá, không đủ đưa chiếc thuyền đi tới. Cánh buồm phất-phơ không bọc gió, hàng nửa giờ mà thuyền vẫn lửng-lơ một chỗ. Bấy giờ lại bỏ neo đỗ lại đấy, chúng tôi áy-náy băn-khoăn. Ai nấy ngồi rầu rầu không buồn chuyện vãn nữa. Tôi bỗng nhớ, nói : Có lẽ là tại khi bọn mình xuống thuyền về, ở Phú-quốc bạn ta tiễn chân bằng câu : « Chúc các chị đi về được gió êm biển lặng », thảo nào mà gió êm, biển lặng mãi thế này. Gió êm biển lặng đã suốt một đêm ngày rồi. Nếu mà gió cứ êm, biển cứ lặng mãi thì chưa biết bao giờ mới về đến nhà được. Phải chi bạn ta chúc thuận buồm » xuôi gió » chẳng là hơn. Ai nấy đều cười. Rồi chúng tôi cùng đồng-thanh đọc :

*Lạy trời cho gió thổi lên,*
*Buồm xuôi gió thuận cho thuyền tôi đi.*

Ấy cũng là một cách xua sầu giải muộn.

■

Vào khoảng quá canh một, dần dần có gió thổi đến, ai nấy đều hớn-hở mừng, giục lấy neo kéo buồm. Mấy hôm nay, ai nấy vì mải vui xem ngắm cảnh nước trời không mấy lúc nằm yên ngủ được. Nay thuyền chạy được, chúng tôi lại mệt mỏi quá, vừa nằm xuống thì đã ngủ say... Bừng mắt dậy, ra ngóng thì ngọn đèn lúc đầu hôm trông thấy lấp-lánh như ngôi sao trên mặt nước chỗ mù-mịt tận phương trời, bây giờ đã lửng-lơ trên chót núi ở ngay trước mắt rồi. Thuyền chạy ngang Mũi-nai. Bấy giờ ai nấy đều vui cười đứng tựa bên thuyền trông về trước. Thành-phố Hà-tiên dần-dần lộ ra trong cảnh mờ sáng. Bên tay mặt, một dải đất liền, nhô lên mấy ngọn núi, chạy dài về miền Hòn-chông. Bên trái là đồi Kim-dự chồm ra cửa biển, trên có mấy tòa nhà gạch : chỗ chị em thường ra hóng mát mỗi buổi chiều. Nơi quen ! Cảnh cũ !

Thuyền từ-từ áp bến. Tôi, trong lòng phấp-phới, có cái cảm-giác nóng-nảy mừng vui như muốn vụt một cái nhảy lên bờ, vì trên cầu các anh em, chị em đang hớn-hở đứng trông...

MỘNG-TUYẾT
*Nữ học-sinh Trí-đức-học-xá Hà-tiên*

Trang-phục của dân bả miền thượng-du Bắc-kỳ

# KHẢO VỀ LUÂN-LÝ

## HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

XV

### TIẾT THỨ II. — Nho-giáo về thời-đại Lục-triều

*Nho-giáo trong khoảng đời Lục-triều trầm-trệ hơn đời nhà Hán, nhưng vẫn khá nhận là một phái chính-học ở trong thiên-hạ. Học-phong đời Lục-triều phía nam phía bắc khác nhau: Người học-giả phương bắc thì theo chú-thích của các nhà đời Đông-Hán, là Mã-Dung, Trịnh-Huyền. Người học-giả phương nam thì theo chú-thích các nhà đời Tấn Ngụy, như là lũ Hà-Yến, Hàn Khang-Bá, Vương-Bật, Đỗ-Dự. Hai phương vẫn biện-luận cãi nhau, sinh ra nhiều cái tệ-hại. Đời Dường khởi lên mới trừ hết bỏ đi, làm ra* Chính-nghĩa *để thống-nhất cả hai phái học-giả phương nam phương bắc. Những người chủ-yếu trong phái Nho-học đời Lục-triều sẽ kể như sau:*

**Phó-Huyền** 傅玄. — *Tên tự là Hưu-dịch, hiệu là Thuần-cô-tử, người đất Nê-dương thuộc về Bắc-địa, sinh về đời Hiến-đế nhà Hậu-Hán, năm thứ 22, niên-hiệu Kiến-an (217), mất về đời Võ-đế nhà Tấn, năm Hàm-ninh thứ tư (278), thọ 62 tuổi. Ông là người bác-học văn hay, còn có di-thư đến và mười vạn lời nói, nhưng tan mất đi nhiều, nay chỉ còn truyền lại có hơn 24 thiên.*

*Phó-Huyền hết sức cổ-súy cái thuyết chính-trị đạo-đức theo về chủ-nghĩa thuần-thúy của Khổng Mạnh. Khi bấy giờ kẻ trên người dưới đua nhau say đắm về cuộc thanh-đàm, bỏ trễ cả việc chính trị, không nghĩ gì đến cái phong-tục tốt khi xưa bị phá-hoại cả. Phó-Huyền một mình hay hết sức chấn-hưng danh-giáo để cứu vớt lấy thời-tệ, thì cũng là trác-kiến. Huyền rất trọng điều tín, có nói rằng: « Cái vạ không điều gì lớn hơn là không có điều tín, nếu không có điều tín thì không biết thân yêu ai, đã không biết thân yêu thì bên tả bên hữu không ai là chẳng ngờ mình, huống là người thiên-hạ ». Ông lại nói quyết rằng nếu không có điều tín thì đến những đạo luân-thường như vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn đều tuyệt-diệt cả. Thuyết ông cốt dạy cho người ta phải thực-tiễn theo về đường đạo-đức.*

**Đào Uyên-Minh** 陶淵明. — *Tên tự là Nguyên-Lượng, lại tên là Tiềm, hiệu là Uyên-Minh, người làng Sài-tang đất Tầm-dương. Sinh đời Ai-đế nhà Đông-Tấn, năm Hưng-ninh thứ ba (365). Ông là tằng-tôn quan Đại-tư-mã Đào-Khản. Khi nhỏ thông-minh, văn tài phong-phú, học-vấn uyên-bác. Ông lại sở-trường về nghề thơ, đời sau đều cho là bậc thi-nhân. Ông mất về đời Văn-đế nhà Lưu-Tống, năm Nguyên-gia thứ tư (427), thọ 63 tuổi. Di-thư còn truyền*

(1) *Nguyên-văn của người Nhật Tam-phố đẳng-tác, Trương Tôn-nguyên, Lâm Khoa-Đường dịch ra Hán-văn. Xem N. P. từ số 168.*

*lại tám quyển* Đào Uyên-Minh *tập, trong có đủ cả các hạng văn, thơ, phú, truyện, tán, sớ, văn tế.*

*Tư-tưởng ông Đào Uyên-Minh nguyên gốc ở Nho-giáo, nhưng về cái ý chán đời thì thực là chịu cái ảnh-hưởng về Phật-giáo với Đạo-giáo. Ông ấy xét về nhân-sinh-quan mà sinh ra chán đời, thường-thường phát ra lời thơ ngâm vịnh. Cứ theo cái thuyết ông nói thì coi đời người như là ở trọ, chẳng qua là một cái bụi mây ở trên trần, chứ không có cội rễ gì cả, nên lúc sinh-thời chỉ cầu khoái-lạc mà thôi. Ông tính thích rượu, quên cả sự lo buồn, cũng như các bọn tao-nhân thi-khách, cái ý về nhân-sinh-quan thì thấy ở trong* Ngũ-liễu tiên-sinh truyện. *Ông lại làm ra bài* Đào-hoa-nguyên ký *để bày ra một cái xã-hội về lý-tưởng. Suốt đời ông chỉ cao-đạo ẩn-dật, chứ không thích làm quan, nhưng ông sinh ở dòng-dõi danh-môn nhà Tấn, mắt trông thấy cái thực-tình của xã-hội, mà mang cái lòng cảm thế thương thời. Ông tuy muốn theo cái cách sinh-hoạt thoát-tục, nhưng không làm thế nào mà thoát-ly được cõi đời.*

**Quan-Lãng** 關朗. — *Tên tự là Tử-Minh, người đất Giải, thuộc Hà-đông, là một kẻ nho-giả về khoảng năm Thái-hòa Vĩnh-an đời Bắc-ngụy. Ông có làm ra sách* Đỗng-cực chân-kinh, Quan-thị Dịch-truyện. *Ông sở-trường về toán số lẽ kinh* Dịch, *lại có tài kinh-tế. Học-thuyết ông là nguyên ở số kinh* Dịch, *suy bàn cái đạo tam-tài: thiên, địa, nhân, lại do đạo trời để diễn-dịch ra đạo người.*

*Sách* Đỗng-cực chân-kinh *cho số 3 là nguyên-lý căn-bản về vũ-trụ. Đó là suy cái nguyên-lý số 2 của kinh* Dịch *mà lập ra nguyên-lý số 3 là tự ông Dương-Hùng. Quan-Lãng nay cũng theo cái số 3 là thừa-kế cái tư tưởng của Dương-Hùng.*

*Họ Quan cho vũ-trụ là thành tự thiên địa nhân ba tài. Thiên là trời coi về việc sinh, địa là đất coi về việc nuôi, người thời bắt-chước trời đất làm phép mà định ra chế-độ. Trời là trỏ những ngôi nhật, nguyệt, tinh thần, đất là trỏ núi sông cây cỏ, người là hàm cả loài di-địch và cầm thú. Đó là họ Quan cho cái lẽ trời sinh đất dục người giúp là ba cái nguyên-lý của vũ-trụ.*

**Nhan Chi-Thôi** 顏之推. — *Sinh về đời Lương năm Đại-đồng thứ năm (539), mất ở cuối đời Tùy. Ông là dòng-dõi sau ông Nhan-Hồi, gia-thế vẫn giữ nghiệp Nho, có làm ra sách* Nhan-tử gia-huấn.

*Khi ấy xã-hội rối-loạn, họ Nhan mới cực-lực trọng về cái quan-hệ trong thân-tộc, bảo rằng thân-tộc là một cái đoàn-thể về luân-lý thứ nhất, phải nên mưu tính lấy cái đạo cho bền chặt mạnh lên, cho rằng đạo vợ chồng, cha con, anh em, là ba cái dòng thân ở trong một nhà, còn về họ hàng thân tức là chín họ, thì cũng phải lấy ba cái dòng thân ấy làm cơ-sở. Cha đã hết đạo từ-ái thì con phải hiếu; anh đã hết đạo hòa-thuận thì em phải kính; chồng đã hết đạo-nghĩa thì vợ phải thuận theo; cảm-hóa vẫn tự kẻ trên mà xuống kẻ dưới, vậy nên kẻ trên phải trước giữ lấy đạo-đức để dóng-dả lên trước; đó là trọng về cái đạo-đức bậc tôn-trưởng cũng là điều trác-kiến vậy.*

*Nhan Chi-Thôi lại bài-xích học-thuyết của họ Lão họ Trang, cho rằng thuyết Lão Trang chỉ cốt dưỡng-tính toàn-chân, không để cho vật gì lụy đến mình, đó là bọn chỉ phóng-túng không giữ-gìn gì cả. Nhưng họ Nhan lại tin theo Phật-giáo, cho kinh Phật là nội-điển, sách Nho là ngoại-điển. Nội-*

*ngoại hai kinh vốn là nhất thể, chỉ có thiển-thâm khác nhau mà thôi. Giới-luật của nội-điển lúc mới đi tu có năm điều cấm, cũng giống như năm đạo thường của ngoại-điển :* nhân *là điều cấm không giết càn,* nghĩa *là điều cấm không được lấy trộm,* lễ *là điều cấm không được gian-tà,* trí *là điều cấm không được dâm-loạn,* tín *là điều cấm không được càn-dỡ. Những thuyết của người đời bài-bác Phật-giáo, họ Nhan đều bác đi cả.*

**Lưu-Hiệp** 劉協. — *Tự hiệu là Văn-môn-tử, khi trẻ đã mồ côi, nhà nghèo mà lại chăm-học, làm quan Thông-sự xá-nhân đời nhà Lương. Nay chỉ còn quyển* Văn-tâm điêu-long *khá xem xét biết cái tư-tưởng của ông ấy. Ông ấy chia văn-phái nước Tàu ra làm 21 mục : 1) Văn Ly-tao ; 2) Thơ ; 3) Nhạc-phủ ; 4) Phú ; 5) Tán-tụng ; 6) Lời chúc lời minh ; 7) Lời trâm-minh ; 8) Lời bia lời lỗi ; 9) Lời ai-điếu ; 10) Lời hài-hước ; 11) Lời tạp-văn ; 12) Sử-truyện ; 13) Văn của Chư-tử ; 14) Luận-thuyết ; 15) Sách-luận ; 16) Lời văn hịch-dụ ; 17) Lời văn phong-thiện ; 18) Biểu-chương ; 19) Khải tấu ; 20) Lời đối-nghị ; 21) Lời thư ký ; trong ngàn ấy mục văn ông đều nói về lúc mới khởi-nguyên và biến-thiên cùng tính-chất nó như thế nào. Đó là một cách về tu-từ học rất cổ của nước Tàu. Văn sao gọi là tâm ? Nghĩa là khi làm văn luyện câu phải phí tâm-tư nghĩ-ngợi. Ông luận về văn-chương như thế cũng là có kiến-thức, nhưng không có thuyết nào khá truyền làm thuyết luận-lý được.*

* * *

### TIẾT THỨ III. — Đạo-giáo về thời-đại Lục-triều

*Từ đời Tần Hán trở về sau, cái tư-tưởng của họ Hoàng họ Lão lại phổ-cập lan dần ra, có nhiều nhà chú-thích về những sách* Lão-tử, Liệt tử, Trang-tử. *Nhà chú-thích sách* Lão-tử *có tiếng là Tôn-Đăng, Lưu Trọng-Dung, Vương-Bật. Nhà chú-thích sách* Liệt-tử *có tiếng là Trương-Chạm. Nhà chú-thích sách* Trang-tử *có tiếng là Hướng-Tú, Quách-Tượng. Quách-Tượng chú-thích sách Trang-tử không những là chua rõ từng chữ từng câu, lại nói rõ cả cái chân-tủy về tư-tưởng. Người ta bảo rằng Quách-Tượng chú-thích sách* Trang-tử *có phần lại cao hơn* Trang-tử. *Bọn nho-giả như Vương-Túc, Hà-Yến cũng nhiều người thích cái tư-tưởng họ Hoàng họ Lão mà gia công nghiên-cứu. Tự đời Hán trở về trước, vốn cho phái đạo-giáo là nghiên-cứu về triết-học, từ đời Nam-bắc triều trở về sau, mới biến ra làm một tôn-giáo mê-tín, lập ra đàn-tràng để truyền-thụ phù-lục ; cái tư-tưởng hư-vô của họ Lão họ Trang, mới kết-hợp với cái cách nhân-sinh-quan của xã-hội mà sinh ra chán đời, nên mới có lũ Trúc-lâm thất-hiền ra đời mà chỉ ngồi thanh-đàm thế-sự.*

*Trúc-lâm thất-hiền ra đời ở cuối đời Ngụy, là Nguyễn-Tịch* 阮籍, *Sơn-Đào* 山濤, *Kê-Khang* 嵇康, *Hướng-Tú* 向秀, *Lưu-Linh* 劉伶, *Nguyễn-Hàm* 阮咸, *Vương-Nhung* 王戎, *bảy người. Bảy người ấy đều có tài năng khác nhau, nhưng đam về học-thuyết Lão Trang mà coi khinh cả việc đời, lấy cách cao-luận thanh-đàm làm khoái-lạc, thường tụ-hội nhau uống rượu, dầu phá-hoại cả lễ-phép đi cũng không đoái-hoài. Nhiều cái nết lạ-lùng, như Nguyễn-Tịch khi nghe tin mẹ chết mà vẫn ngồi đánh cờ vây, dầu lúc cư-tang vẫn cứ uống rượu. Lưu-Linh thì cưỡi xe hươu, đem rượu đi uống, bảo người hầu vác cuốc theo sau rằng hễ ta chết thì chôn. Kẻ*

sĩ-phu đời ấy đều cho bọn ấy là hiền-nhân, có ý muốn bắt chước những cái nết lạ ấy. Duy có Phó Huyền thì chống lại cái phong-trào ấy mà thuyết-minh cái đạo-đức của thánh-nhân. Cái thói thanh-đàm mà lưu-tệ ra những cái nết lạ-lùng ấy vốn không phải là bản-ý của học phái Lão Trang cho nên sách Tùy thư kinh-tịch-chí, cho những kẻ sĩ-phu ngông-cuồng ấy, không suy xét đến gốc, mà chỉ làm cho lạ đời, quái-đản, vu-khoát quá, mất cả chân-tướng đi.

**Bão-Phác-tử** 抱朴子. — Là một người trong phái đạo-gia mà giỏi hơn hết cả. Ông họ là Cát 葛 tên là Hồng 洪, tên tự là Trĩ-Xuyên, hiệu là Bão-Phác-tử, ý là người còn giữ được chất-phác. Ông sinh ở đất Câu-dung, thuộc về Đan-dương, khi nhỏ tính chất trì-độn, nét mặt xấu, lời nói dụt, biết sự đi cầu danh lợi là ngu dại, nên vua Nguyên-đế nhà Đông-Tấn vời ra không chịu ra, ẩn ở núi La-phù nghiên-cứu về thuật thần-tiên, khoảng năm Thánh-hòa đời Thành-đế, ông thọ 81 tuổi mới mất. Có làm ra Thần-tiên-truyện 10 quyển, Ẩn-dật-truyện 10 quyển, Bão-Phác-tử 2 quyển, Tạp-trứ hơn một trăm quyển.

Bão-Phác-tử so sánh Nho-giáo và Đạo-giáo, cho Đạo giáo là phần trong Nho-giáo là phần ngoài; tu-thân thì theo Đạo-giáo, trị đời thì theo Nho-giáo. Ông có nói rằng: « Đạo-giáo là gốc của Nho-giáo, Nho-giáo là ngọn của Đạo-giáo. Nho-giáo rộng rãi mà ít có yếu-ước, khó-nhọc mà ít được thành-công; Mặc-giáo thì kiệm-ước quá khó theo, không thể giữ gìn cho khắp được; Pháp-học thì nghiêm khắc mà ít ân, phá-hoại cả nhân-nghĩa. Duy phái Đạo gia tu-luyện khiến cho tinh-thần người chuyên-nhất, hợp cách vô-vi, bao được cả cái hay của Nho-giáo Mặc-giáo, tóm được cả cái cốt tử của Danh-gia Pháp-gia, cùng thời thiên-di, ứng-vật biến-hóa, ý chỉ yếu-ước mà dễ hiểu, việc làm ít mà được công nhiều, cốt là toàn lấy cái chất-phác về đại-tông, mà giữ lấy cái nguồn chân-chính vậy ». (thiên Minh-bản). Đó là khen Đạo-giáo hơn hết cả bốn nhà: Nho, Mặc, Danh, Pháp.

Bão-Phác-tử vốn theo cái thuyết của Lão-tử cho « huyền 玄 » là bản-thể của vũ-trụ, có tường thuật cái thể dụng của huyền nói rằng: « Huyền là thủy-tổ tự-nhiên, lại là đại-tông của vạn-thù. Mờ-mịt mà thâm cho nên vi 微, lờ-mờ mà xa cho nên diệu 妙. Cao thì vọt ra ngoài cửu-tiêu, rộng thì chùm ra ngoài tám cõi ». Bão-Phác-tử lại do cái bản-thể của vũ-trụ, để định cái lý-tưởng về luân-lý, cho rằng đạt được đến huyền mới là cái mục-đích rất cao của đạo-đức. Đạt được đến huyền là tu đến cõi tuyệt-đối. Cái người tu đến cõi tuyệt-đối tức là bậc thần-tiên; bậc thần-tiên tức là hạng nhân-vật lý-tưởng. Xem thế thì Bão-Phác-tử là người đại-biểu cho phái đạo-gia đời Tấn. Phái đạo-gia đời Tấn cho rằng bậc thần-tiên là hợp với đạo huyền, như phái nhà Nho cho bậc thánh-nhân là hợp với đạo trời. Lại bảo rằng người ta muốn tu thì phải điềm-đạm vô-dục, giữ cái tâm minh cho thanh-tĩnh, nên vào ở trong rừng núi, để tu lấy những nết trung-hiếu, hòa-thuận. Nếu không biết tu lấy đức hạnh thì không thể vào được cõi tiên. Bão-Phác-tử lại nói cái cách dùng thuốc để tu cho đạt đến cõi tuyệt-đối rất là quái lạ.

**Đào Hoằng-Cảnh** 陶弘景. — Người nước Lương, sinh về đời Tống Văn-đế năm Nguyên-gia thứ 29 (452), mất về đời Lương Vũ-đế năm Đại-đồng thứ 2

(536) thọ 85 tuổi. Ông ẩn ở trong núi Câu-dung, chuyên nghiên cứu về Đạo-giáo, học-vấn uyên-bác, được vua Vũ-đế tin-chuộng, thường đến hỏi-han luôn, người đời gọi là bậc sơn-trung tể-tướng. Duy không có thuyết gì khá truyền làm thuyết luân-lý.

**Diêu-Tín** 姚信.— *Người nước Ngô, còn một quyển sách* Sĩ-vĩ *truyền lại, cho rằng người ta chịu về cái ảnh-hưởng tự-nhiên mà sinh ra, bậc thánh-nhân là bậc rất ưu-tú trong loài người, tức là bậc rất thuần-túy trong loài sản-vật tự-nhiên. Đức của bậc thánh-nhân, cao không biết đâu là cùng, sâu không thể lường được. Đức tốt ấy là chịu ở trời, và chịu ở bốn mùa, chịu ở nguyên-khí mà thành ra. Ông lại bảo rằng tính người có thể suy-di được. Ông nói vì tính người như tính nước, nước nóng thì là thang, nước lạnh thì là băng; tính người khá suy-di được, không khác gì tính nước vậy.*

**Hoa-Đàm** 華譚.— *Người nước Tấn, có làm ra sách* Biện-đạo *31 quyển, nay đã tan mất cả. Họ Hoa thừa về cái tư-tưởng của Lão-tử, cho rằng nhất-thiết những hiện-tượng trong cõi tương-đối, đều bởi cõi tuyệt-đối phát-hiện ra, cho nên đã đạt được đến cõi tuyệt-đối, thì tức là được tự-do ở cõi hiện-tượng. Ông lại bảo rằng vô-thanh là tổ cả mọi tiếng, vô hình là vua cả muôn vật. Hay xét đến tổ, thì mới tính được cái thần-diệu của thanh âm; hay sửa được vua thì mới chính được cái dung-nghi của chất-phác. Lại cho rằng người ta chỉ vì cái tính hiếu-ố xét về hiện-tượng mà sinh ra khác nhau. Vậy cần phải giữ cái tính hiếu-ố cho có tiết-độ. Đấng thánh-nhân định ra lễ để lập ra đạo trung-dung cũng bởi vì thế.*

**Tôn Nhu-Chi** 孫柔之.— *Không biết ông sinh ở đất nào, có làm ra* Thụy-ứng-đồ. *Đồ* Thụy-ứng *ấy là bàn về cái lẽ trời người cảm-ứng, xưa nay cũng nhiều người tin. tức như Đổng-Trọng-Thư, Lưu-Hướng đều tôn-tín cái thuyết ấy cả.* Thụy ứng-đồ *là thuyết cảm-ứng mà vẽ thành đồ để giải nghĩa thêm, cho rằng mặt trời có tán vàng là cái triệu vua chiếm được đất; nước suối ngọt chảy ra là cái điềm vua có đức; vua cử-động một điều gì đều ảnh-hưởng đến trời, mà trưng-triệu ra cái hiện-tượng tự nhiên để ứng lại. Ông lại kể rõ cái qui-tắc nó ứng-triệu như thế nào.*

**Lưu-Trú** 劉昼.— *Tên tự là Khổng-Chiêu, người Phụ-thành đất Bột-hải, ở về đời Bắc-Tề, có làm ra sách* Lưu-tử *55 thiên;* Cao-tài bất-ngô truyện *3 thiên. Tự xưng mình là bậc bác-vật kỳ-tài, ngôn hành nhiều điều bất-tốn. thường làm sách để điều-hòa các phái Nho, Đạo, Hình, Danh, Pháp và các dòng cửu-lưu. Bàn về đạo-đức thì cho Nho-giáo làm trung-tâm, cho cái tâm là chủ của hình, thần là báu của tâm, thần có tính thì mới hay hòa được tâm toàn được hình. Làm phương-hại đến thần không được tính là lại tính. Tính nó tự ngoài đến mà làm động cả đến tinh thần, hoại cả đạo đức, hại cả sinh-mệnh, bởi vậy điều cốt-tử tu-vi là phải hạn-chế bớt cái tính: Luận về họa-phúc cát-hung thì rồi họa phúc vốn đồng-căn, yêu tường vốn đồng-cảnh; may đó mà có khi là vạ, vạ đó mà có khi là may, tường-thụy đó cũng chẳng đủ mừng, yêu-quái đó cũng chẳng đủ lo.*

*(Còn nữa)*

ĐÔNG-CHÂU *biên dịch*

---

# NGHĨA CHỮ VĂN-MINH Ở TRONG TÂM-LY NGƯỜI PHÁP (1)

■

II

*Lại cũng trong các sử-ký nói rõ cái quan-trọng của nền học-vấn,* culture spirituelle. *Đứa trẻ con ở trong dân-chúng vậy đã sớm biết rằng* CORNEILLE *với* RACINE *đã viết những vở kịch rất hay,* VOLTAIRE *với* ROUSSEAU *đã yêu-cầu nhiều sự cải-lương, rằng* PASTEUR *là ân-nhân của nhân-loại, rằng Dân-quốc đã lập ra những trường đại-học để dạy học tất cả những cái gì mà người ta đã học từ thủa khai thiên lập địa đến giờ, mà trẻ con nhà nghèo, nếu chăm chỉ thông-minh, cũng có thể vào học, vì nhà-nước đã có cấp học-bổng cho. Trong cuốn sách tác giả là* LAVISSE *tiên-sinh có kết-luận như sau này : « Hai chữ Pháp và nhân-loại không phải là hai tiếng có ý-nghĩa tương-phản ; hai tiếng ấy liền với nhau như một, không thể chia rẽ ra được. Tổ-quốc ta là một nước có tính-cách hợp với nhân-đạo hơn trăm nghìn các nước »* (Notre patrie est la plus humaine des patrics). *Một cuốn sách nhỏ ấy phân-phát ra đến non hai triệu bản. Mà đây mới là một cái đường lối trong trăm nghìn đường lối đưa dẫn cái tư-tưởng văn-minh cho nhập vào đến nhân-dân. Cách giáo-dục của đệ-tam Dân-quốc vẫn lấy những luật học-chính năm 1881, 1882 làm căn-bản. Trong ngót năm-mươi năm nay thật đã tẩm nhuộm cái tâm-hồn dân Pháp. Không có ở nước nào lại có cách truyền-bá tư-tưởng bì kịp cái cách ấy. Thật nó đã tạo-lập ra cái nền tinh-thần thống-nhất của quốc-gia.*

*Nhưng cái tư-tưởng văn minh ấy chưa dễ đã truyền mau như vậy, cho đến dân gian nếu không gặp được một cái trợ lực sâu xa hơn.* Đại-đồng *là vì chung cả quốc-gia, cả thiên-hạ, và ngay ở trong nước cũng chung cả cho các đẳng-cấp, thế đã đành ; nhưng cái tính-cách đại-đồng lại bao-quát cả đến những cách-thức sinh-hoạt thường ngày nữa. Đó là noi theo cái nếp cũ cổ-thời. Ở đây cái ý-tưởng văn-minh rất rộng-rãi : bắt đầu từ những việc tầm-thường vật-chất cho đến những lẽ-luật cao-thượng về tinh-thần, từ công-nghệ* (technique) *đến luân-lý* (éthique). *Có thể quả-quyết nói rằng ở bên Pháp văn-minh bắt đầu từ bữa ăn. Cái nghề ăn cũng thuộc về văn-minh đấy ; cái mốt cũng vậy. Lễ-nhượng cũng thế. Tóm tắt, bao nhiêu những hình-thức bề ngoài trong sự giao-tế ở xã-hội là đều đầm-thấm trong cái hào-quang văn-minh. Chẳng phải kẻ học-thức mà thôi, đến kẻ nghèo hèn cũng theo được ; cách tuy có qui-tiện khác nhau, nhưng ai nấy đều được phép hưởng cái hương-hỏa chung này. Cái tư-cách bình-dân về tư-tưởng ở đây lại hợp với cái tư-cách*

(1) *Xem Nam-Phong số 197.*

*bình-dân của các cách-thức bề ngoài trong xã-hội. Sự xã-giao cũng có luật-lệ phân-minh. Ai muốn khảo-xét sự ấy cho đến nơi, hãy xin tạm nghỉ lại buổi trưa tại một cái nhà trọ tỉnh nhỏ nào độ năm nghìn dân-đinh, vào một hôm phiên chợ chẳng hạn. Trong hàng cơm phần nhiều là bọn dân quê với các lái buôn. Hoặc giả cũng có lẫn vào số đó vài mặt khách du đi xe hơi lại để ngắm-nghía các nhà thờ cổ. Người chủ hàng cơm chỉ chỗ cho ta ngồi trong phòng cơm. Khách mỗi người đều có một lá thực-đơn* (menu). *Thực-đơn ấy lại có sáu món, sếp-đặt theo qui-củ từ cổ xưa, không thể di-dịch được mảy-may, cũng như các mẹo luật trong văn-phạm không thể sai đi được một chút. Ai nấy từ người dân-quê cho đến người thuyền thợ, hay bác lái bò cũng theo một mực như thế không kém gì cái bà sang-trọng ngồi bàn bên cạnh.*

*Chẳng riêng gì bữa ăn, mọi mối hành-vi trong xã-hội, nói chuyện, viết thơ, tiếp khách, công việc hằng ngày, là đều theo một thể-thức phải cho có mĩ-lý đẹp đẽ. Những thể thức ấy gọi là* «les manières». *Chữ này có cái ý nghĩa tinh-vi, thanh-thoát hơn chữ* « manieren » *của Đức.* « Manières », *chẳng phải là những lễ-phép đứng ngồi ăn nói ở bề ngoài mà thôi, mà lại tỏ rạng cái giáo-dục thâm-trầm ở trong vừa có luân-lý, lại có mĩ-lý. Theo cái quan-niệm xưa nay là thuộc về luân-lý. Ông* Joubert *có bảo rằng lễ nhượng ấy là cái hoa của nhân-đạo, lại thêm :* « *Ai mà không đủ lễ-nhượng là chưa đủ nhân-cách* ». *Các lễ-phép ấy có cái thâm-nghĩa nặng nề lắm, người ta thường cho là một phần trong cái ý-niệm văn-minh, thường khi lại vi ngang với văn minh nữa. Vậy thời khi bảo gọt rũa cho cái tư-cách thô lậu lúc ban-sơ, bảo sửa-sang cho phong-tục thuần-nhã hơn, bảo làm cho giã-man mà có nhân-cách* (polir la nature grossière, affiner les mœurs, humaniser la barbarie), *ấy là nói tới văn-minh đó. Cứ cái nghĩa ấy thì văn-minh là có quan-hệ về xã-hội* (un fait social). *Văn-minh tức là trỏ gồm những cách để trù-liệu, trông nom cho ổn-thỏa thanh-hòa mọi điều* (elle (la civilisation) marque un ensemble de prévenances et de soins, un niveau généralement à atteint par toute une société), *trỏ cái trình-độ trung-bình của cả nhất-ban xã-hội. Ấy chính là cái quang-cảnh thái-hòa của nước Pháp ngày nay. Cái thú-vị cái đời ở bên Pháp là ở đó, bao nhiêu những người ngoại-quốc qua chơi đều lấy làm mê-man quyến-luyến.*

*Trong một cái ý-tưởng văn-minh mà có bao nhiêu nguyên-tố! Rộng-rãi như thế, cho nên mới bao-quát cả đến cái công-cuộc mở-mang về công-nghệ cận-kim. Những sự hoán-cải lớn trong đời bởi những cái động-lực như điện-khí, hơi nước sinh ra, cái đời ta ngày nay cùng với kỹ-nghệ, công-nghệ mà đổi theo một nhịp, bao nhiêu điều cải-tạo canh-tân từ bấy nay, đều thành những cái dấu-tích lớn của cái ý-niệm văn-minh. Chẳng những văn-minh gọt rũa sửa-sang cái thiên-chất thô-sơ, lại còn giúp cho cuộc sinh-hoạt ở đời thêm tốt-đẹp nữa. Cái nghĩa* « kultur » *ở Đức với cái nghĩa* « civilisation » *ở Pháp mà hình như tương-phản nhau là vì ở Đức ta cứ cho văn-minh* « civilisation » *là những sự tăng tiến về máy móc thôi. Chẳng hóa ra làm hẹp cái nghĩa văn-minh đi sao! Thế cho nên nó mới trái với cái nghĩa* « *văn-hóa* » (culture), *khiến văn-minh thành ra sự nguy-hiểm cho linh-hồn cho mĩ thuật, cho tri-tuệ. Nên nhắc chăng rằng ở bên Pháp họ cũng đã thấy cái hiểm-tượng đó rồi? mà*

*thấy trước ta. Họ cũng hò-la công-kích văn-minh rồi. Nhưng mà là răm ba người lẻ-loi thôi. Còn cái tư-tưởng văn-minh đã thấm-thía vào dân-trí từ lâu, hồ dễ một sớm chiều gột rửa được.*

*Quan-niệm văn-minh thịnh là vì cái tư-cách đại-đồng. Cái tư-cách đại-đồng ấy có nhiều vẻ, nhiều đường, có trong quốc-hồn, lại có ở nhân-loại, đầm-thấm nhân-dân, thấm-thía mọi mối ở đời. Cái tư-cách đại-đồng ấy lại còn mật-thiết với thời-gian. Trong tâm-lý người Pháp nó liên-can với cái lòng muốn giữ vững liên-tiếp không thôi* (sentiment de la continuité).

*Người ta có thể có được hai mối cảm-tình với thời-gian. Hoặc cảm sự suy-đi* (ce qui passe et change), *hoặc để ý đến sự bất-dịch* (ce qui persiste et résiste). *Biến-hóa mãi mãi không cùng, nhưng luân-hồi vẫn bấy nhiêu cái hình-thức. Cái tính của người Pháp thì thiên-trọng sự trường-cửu vĩnh-viễn* (durée). *Hơn là nước Đức, nước Pháp, muốn giữ bản-thể mình như một, qua bao nhiêu những sự đổi dời trong lịch-sử. Ông* Rivarol *có nói một câu rất thâm-thúy : « Nước Pháp phải bảo-thủ và được người ta bảo-thủ, nước Pháp khác các nước đời xưa, đời nay ở đấy».* (Il faut que la France se conserve et soit conservée...)

*Văn-minh nghĩa là tiến-bộ và tu-bổ cho toàn-mãn* (progrès et perfection), *họ không chối. Nhưng họ nêu to hơn lên rằng văn-minh là duy-trì để tăng lên cái gia-tài tổ-nghiệp. Ông* Charles Maurras *giải văn-minh là cái tình-thế xã hội mà một mình người sinh ra đã thấy nhiều của-cải hơn là mình có thể làm ra được. « Văn-minh là cái tư-bản, lại là cái tư-bản tổ-truyền ». Đối với người Đức văn-hóa là tổng-cộng các cái tri-tuệ đã sáng-tạo ra. Đối với người Pháp là cốt giữ lấy rồi lưu-truyền về sau một cái kho báu. Đối với Đức, thì văn-hóa mở-mang bởi sự thay đổi : cái dấu-hiệu hình-thức mới đến kế chân cho cái dấu-hiệu hình-thức cũ mãi mãi, không thôi, cái mới đến thì cái cũ đi. Người Pháp thì không có cái quan-niệm về lịch-sử như thế, họ cho là tan-tác rời-rạc. Văn-hóa đối với họ là tích-lũy nay ít mai nhiều cho cao dầy cái hương-hỏa cha ông để di-truyền về hậu-thế. Người « Gô-Loa » kế thừa được cái văn-hóa La-mã ở đời đế-quốc La-mã suy-vong, mà truyền cho đời* franc *với* roman, *nước Pháp ngày nay cũng muốn đem qua vạn-kỷ cái kho báu văn-minh này.*

*... Lòng người Pháp ưa-thích là những đồ cổ, các nhà xưa, sách đã vàng, tục đã cổ, vì đều có cái vẻ lâu dài chắc vững. Họ cho nó có cái thú riêng hơn những đồ tối-tân. Họ cho rằng sen mình vào cái quãng liên-tiếp lâu dài hơn là lập ra những « phẩm-giá » mới* (valeur nouvelle). *Văn-minh đã là nhờ ở sự trường-cửu vĩnh-viễn thì không có thể bỏ cuộc quá-khứ đi mà chẳng tự hủy mình đi vậy.*

*Bảo-thủ như thế là rất cao-thượng. Nhưng cũng có nguy-hiểm. Cái gì mới ở bên Pháp phải lâu dần mới được thiên-hạ công-nhận. Về phương-diện ấy nước Pháp không có chịu tiếp rước cái mới, nhất là cái mới ở ngoại-quốc vào. Người Pháp có ý giữ mình như vậy, nhưng chẳng phải vì chính-trị đâu. Cái đó thì ít lắm. Đó là bởi cái bản-tính của người Pháp, bởi cái quan-niệm rằng văn-hóa mình có thể tự-chủ* (autarquie) *được.*

*Nước Pháp một mình cũng đủ sống, chẳng cần gì tới hoàn cầu. Ở trong*

*linh-thổ đã sản-xuất đủ các đồ dùng để làm cho cuộc đời có giá-trị, có thú-vị. Cái lòng tin-chắc ấy, bất cứ trong việc gì cũng thấy rõ được, mỗi ngày gần cái hồn đất tổ-phụ nó lại càng mạnh thêm. Vì người Pháp cận-thiết với chỗ đồng-đất lắm. Có lẽ vì xưa kia là một dân-tộc làm ruộng chăng? Hay là bởi cái ảnh-hưởng tôn-giáo xa-xôi nào? Nhưng dầu sao cũng vậy, thổ-địa nước Pháp được dân thờ kính, yêu qui lắm...*

*Ở cõi đất qui-hóa ấy lại nở ra cái tinh-hoa của nhân-loại, cũng như các thứ rượu ngon... Ông thánh, nhà mĩ-thuật, ông vua, người cách-mệnh, bậc tài-hoa, đấng anh-hùng, người tư-tưởng, người diễn-thuyết, ở cõi đất ấy đều có thể nảy-nở đến tuyệt-phẩm được, làm kiểu mẫu cho muôn đời. Đối với mỗi hạng người, nước Pháp đều có người biểu-hiệu, có chút kỷ-niệm, để cho mình tin-chắc được ở cái vận-mệnh của mình.*

*Lại thành* Paris *là tỉnh chung cho cả thế-giới: lịch-sử nó, các lâu-đài cổ-tích ở đó, cái đẹp, cái sang của nó khiến ra như vậy. Nhưng lại là cái tỉnh có cái tư-cách nhân-loại hơn hết, là cái tỉnh tiêu-biểu cho Tây-phương. Ở đấy mới thật là biết hết cái lạc-thú ở đời. Ở đó họ trọng sự làm ăn cương-quyết đã đành, nhưng sự chơi vui cũng được người ta qui; cái sự vui vẻ được người ta yêu; đời sống ở đấy cũng được đẹp-đẽ, mà cái chết cũng được người kính-cẩn,*

*Trái tim của nước Pháp hồi-hộp là ở đấy. Người Pháp ngắm đất nước nhà đã cho là điều-hòa, đầy đủ, làm sao lại không sinh cái lòng tự-túc* (autarquie)*?*

*Xin thử hình-dung tâm-lý một quốc-dân được trời chiều như vậy. Một quốc-dân tự bảo mình rằng: ta ở cõi đất tốt-đẹp nhất; kinh-đô nước ta có tiếng nhất; văn-minh nước ta đáng kính nhất, vì bền vững, lâu dài, lại phong-tục thuần-hòa, mĩ-thuật sán-lạn. Cái gì ta sáng-tạo là thế-giới công-nhận, cái gì nói bằng tiếng ta mọi người đều hiểu.*

Ernst Robert Curtius
**Đỗ-Đình** *trích-dịch*

# ĐỜI SÚNG ĐẠN

■

## Một truyện trinh-thám mạo-hiểm hồi Âu-chiến (1)

■

### III

... Hai người kế-tiếp nhau mà chạy, Phật-Lai vô-tình không biết có Lệ-Ti theo gót, vừa chạy vừa nhìn sang hai bên vệ đường như có ý tìm-tòi, và rẽ quặt vào một cái ngõ nhỏ tối-tăm. Lệ-Ti vẫn chạy theo sau cách chừng vài mươi bước. Nàng phải đem hết sức mắt trông qua bức màn tối dầy để nhìn cái bóng của Phật-Lai. Chợt nàng thấy Phật-Lai đứng dừng trước một cái bóng đen lù-lù ở mặt đất, nàng vội-vàng chạy sấn lên đánh một báng súng thật mạnh xuống đỉnh đầu Phật-Lai, giữa lúc anh ta đang cầm dao toan đâm cái bóng đen ấy mà bấy giờ nàng trông rõ là một người nằm đang hấp-hối. Phật-Lai bị đánh vào chỗ phạm, choáng-váng ngã liền. Lệ-Ti chắc rằng người nằm đó là Mạch-Hải không sai, mới kịp chạy đi gọi người tài-xế đánh xe lại đem Mạch-Hải đến Mai-tốn y-viện ở phố Hoắc-tư ban. Trong khi đi đường, Lệ-Ti rất lo, chỉ sợ rằng Mạch-Hải bị thuốc độc nặng quá không cứu chữa được nữa, thì bao nhiêu điều bí-mật của nước Đức Mạch-Hải đem theo sang thế-giới khác thì thật là bất-lợi cho nước Mĩ và quân đồng-minh.

Một lúc, xe đã đỗ ở trước của Mai-tốn y-viện. Lệ-Ti vào yết-kiến ông viện-trưởng là bác-sĩ Mai-Tốn. Bác-sĩ sai người đem Mạch-Hải vào phòng bệnh, rồi tự mình xem mạch khám nghiệm. Lúc ấy Mạch-Hải mê-man không biết gì nữa, mắt đờ ra như người chết rồi, Lệ-Ti đứng ở bên giường trong lòng hồi-hộp áy-náy. Bác-sĩ Mai-Tốn xem mạch xong, lặng yên không nói gì, Lệ-Ti vội-vàng hỏi :

— Thế nào, bác-sĩ ? Người này có thể cứu được không ?

Bác-sĩ cau trán đáp :

— Người này uống phải một thứ thuốc mê rất mãnh-liệt, có thể trong vài giờ làm người ta mê-man rồi chết đi được. Bệnh-tình người này khá nặng, chữa được hay không điều đó không thể nói trước được. Nhưng tôi xin hết sức, cô để cho trong một giờ nữa, tôi có thể cho cô biết tin bằng điện-thoại được.

Lệ-Ti nghe nói cau mày, buồn rầu nói :

— Người này là một nhân-vật rất quan-trọng không đáng chết, vô-luận thế nào, xin ngài đem hết cách cứu chữa cho. Trời ơi ! Quốc-vận của Hợp-chúng-quốc ta quan-hệ ở sự sống chết của người này !

(1) Xem Nam-Phong từ số 197.

Bác-sĩ Mai-Tốn nghe nói ngạc-nhiên không hiểu là thế nào, nhưng Lệ-Ti không nói thêm gì nữa, mở cửa đi ra.

***

Khắc-Tư ở nhà Thi-Đế-Minh về, một mình ngồi trong phòng giấy, tay mân-mê cái kính một mắt, ngửa mặt lên trần có vẻ nghĩ-ngợi. Chàng chợt nghĩ đến lúc ở nhà Thi-Đế-Minh trông thấy người con gái hé cửa sau phòng khách ra nhòm, tuy chỉ thò có nửa mặt nhưng rất giống Lệ-Ti. Con người khôn-ngoan lanh-lợi như thế, đối với cái kế-hoạch của chàng rất có điều bất-lợi. Chàng nghĩ vậy thì trong lòng buồn rầu lo-lắng. Ngẩng lên nhìn đồng-hồ treo trên tường đã trỏ một giờ rưỡi, chàng trầm-tư hồi lâu rồi quả-quyết đứng dậy, lấy cái áo tơi mưa khoác vào người rồi đi ra.

Lúc ấy, mười lăm phút sau khi ở Mai-tốn y-viện ra, Lệ-Ti đã ngồi ở nhà trong phòng khách. Phòng khách trang-hoàng rất hoa-mĩ. Trên tường, treo một cái gương lớn. Dưới cái gương là một bộ máy điện-thoại. Đối với cái gương là một cái cửa sổ bằng pha-lê. Lệ-Ti ngồi bên cái bàn cẩn môi nghĩ-ngợi, chốc chốc lại nhìn lên cái đồng-hồ treo trên tường. Bên ngoài, lúc ấy mưa vẫn chưa ngớt. Nghe những tiếng giọt nước trên mái nhà rỏ xuống, lại càng buồn. Lệ-Ti đứng dậy, ra chỗ máy điện-thoại cầm lấy ống nói gọi đến Mai-tốn y-viện hỏi thăm tin-tức của Mạch-Hải, không ngờ bên kia đầu giây trả lời rằng: Các thứ thuốc đối với Mạch-Hải đều vô-hiệu, Mạch-Hải đã chết được 15 phút rồi. Lệ-Ti nghe tin tái cả người, cái ống nói cầm ở tay rơi xuống lúc nào không biết, đứng ngây người ra ở trước cái gương.

Lúc ấy, bên ngoài cửa sổ pha-lê, dưới trời mưa gió, một người đàn ông đang núp, tay cầm khẩu súng lục chĩa vào lưng Lệ-Ti. Người đàn ông ấy là ai? Đó là Khắc-Tư, viên chánh sở do-thám Hoa-kỳ.

Nhưng, Lệ-Ti là một người con gái rất khôn-ngoan linh-lợi, đứng trước cái gương, nàng đã trông thoáng thấy Khắc-Tư rồi. Nhưng nàng cố giữ cái thái-độ bình-tĩnh dường như không trông thấy, rồi ngầm rút súng của mình ra, chuyển mình một cái, tiếng súng nổ vang, bóng người ngoài cửa sổ chợt biến mất. Lệ-Ti chạy lại mở cửa sổ trông ra, thì gió thổi ào-ào, mưa táp vào mặt, nhìn ra chung quanh chẳng thấy một ai. Nàng bùi-ngùi đóng cửa lại trở vào, tự nghĩ Khắc-Tư định giết mình là chỉ để lấp cái chuyện mình đã trông thấy hắn ở nhà Thi-Đế-Minh mà thôi. Thế là rõ-ràng Khắc-Tư âm-thông với quân địch rồi, không ngờ gì nữa. Từ đấy nàng lại càng chú-ý đến mọi sự hành-động của Khắc-Tư.

Sáng hôm sau, Lệ-Ti lại đến Mai-tốn y-viện. Bác-sĩ Mai-Tốn chạy ra vui vẻ nói với Lệ-Ti:

— Có một tin tốt nói để cô hay, nghĩa là đã cứu sống được Mạch-Hải rồi, không lo ngại nữa.

Lệ-Ti ngạc-nhiên:

— La, thế sao chiều hôm qua tôi gọi giây nói lại hỏi, người đàn-bà khán-hộ lại trả lời rằng Mạch-Hải đã chết rồi?

Bác-sĩ cười:

— Không phải, đó là người ấy lầm. Nguyên trong bệnh-viện cũng có một bệnh-nhân tên là La-Hải chết buổi chiều hôm qua, nên mới có sự lầm ấy.

Lệ-Ti nghe nói mừng lắm, mới đổi buồn ra vui. Bác sĩ bảo người đàn-bà

khán-hộ đưa nàng sang phòng của Mạch-Hải. Lúc ấy Mạch-Hải đang ngồi ăn ở trên giường, thấy Lệ-Ti vào bèn buông thìa và đĩa xuống, giương mắt lên nhìn. Lệ-Ti từ-từ đến bên giường lấy lời êm-ái sẽ nói :

— Ông Mạch-Hải ! Ông khá chú ?

— Có phải cô Lệ-Ti đấy không? — Mạch-Hải nói — Vừa rồi người đàn bà khán-hộ nói với tôi rằng cô đem tôi đến đây. Nhưng tôi không muốn nói chuyện với cô, cô đi ngay đi.

Lệ-Ti ngạc-nhiên :

— Thế là thế nào? Tôi đã cứu cho ông khỏi nơi nguy-hiểm, ông có biết không?

— Biết, nhưng sự sống chết của tôi đối với cô có quan-hệ gì, tôi nay coi sự chết như sự về, cô cứu tôi làm gì cho thêm việc lắm mấy !

Mạch-Hải nói xong nằm gục xuống, bỏ mặc Lệ-Ti không hỏi đến. Lệ-Ti buồn-rầu nói :

— Ông Mạch-Hải ơi ! Sao ông lại chán đời như thế? Ông nên biết rằng thân ông mang trọng-trách lớn, tôi sở-dĩ cứu ông cũng là vì nước Mĩ của chúng ta, nếu ông chết một cách khinh-thường như thế, thì đối với quốc-gia làm sao?

Mạch-Hải không đáp. Lệ-Ti lại nói tiếp :

— Tôi chỉ muốn hỏi ông về những điều bí-mật của nước Đức, việc ấy có quan-hệ lớn với tổ-quốc ta, ông có thể cho tôi biết được không?

Mạch-Hải chống tay xuống giường ngồi dậy nói một cách bực-tức :

— Tôi chẳng biết bí-mật gì cả. Chẳng biết tí gì hết. Chỉ biết uống rượu mà thôi. Cô đem tôi đến đây, khiến tôi không được uống rượu, thật là cô lấy súng bắn tôi không bằng. Tôi mà không được rượu thì tôi chết đây này.

Lệ-Ti lấy lời dịu-dàng yên-ủi :

— Uống rượu lắm chỉ hại người nhiều, ông là một kẻ ngang-tàng trượng-phu, đáng lẽ phải vì quốc-gia ra sức lẽ nào lại chìm đắm trong chén rượu làm mất cả chí-khí đi như thế?

Mạch-Hải gắt :

— Cô nói nhảm tai lắm, tôi không thể nghe được. Xin cô ra khỏi chỗ này ngay lập tức, nếu không, tôi phải đứng dậy mà đuổi cô đi.

Mạch-Hải nói có vẻ giận lắm, dường như muốn nhảy xuống giường ngay. Lệ-Ti thấy Mạch-Hải không thể lấy lời lẽ dỗ được, trong tâm buồn lắm. Người đàn-bà khán-hộ vội-vàng mời Lệ-Ti đi ra và nói :

— Người này thần-chí chưa thật tỉnh, vả lại trong óc bị nhiễm nhiều chất-độc quá, cho nên mới điên cuồng như thế, cô cũng đừng nói với làm gì.

Lệ-Ti gật đầu, người đàn-bà khán-hộ lại nói :

— Tôi nghe bác-sĩ Mai-Tốn nói người này trưa mai có thể ra khỏi bệnh-viện được, vậy cô nên thân-hành đến đón. Tôi xem ra người này bị hại về rượu nhiều lắm, cô nên đưa vào nhà cấm rượu thì hơn.

Lệ-Ti khen lời nói ấy là phải, rồi ngậm-ngùi trở về.

Trưa hôm ấy, Lệ-Ti đến bộ cơ-quan trinh-thám ra mắt Khắc-Tư. Khắc-Tư trông thấy Lệ-Ti, cố giữ thái-độ bình-thường dường như không biết chuyện gì cả, đứng dậy vui-vẻ đón chào. Lệ-Ti toan nói thì Khắc-Tư đã mỉm cười ngăn lại, tay cầm cái kính một mắt tươi-cười nói :

— Công việc của cô làm, tôi đều biết hết cả. Cô giỏi lắm, đã cứu được Mạch-Hải thoát nơi nguy-hiểm, tôi rất vui lòng. Nay lại định đem hắn ta vào nhà cấm rượu lại càng hợp ý với tôi lắm.

Nên biết rằng hiện nay người mà biết được nhiều điều đại-bí-mật của Đức, chỉ có Mạch-Hải mà thôi. Vậy thời người ấy rất quan-trọng. Nay tôi đem cái chức-trách trinh-thám giao cho cô để cô dò xét, cô là người trí-dũng hơn người, hẳn không phụ cái trọng-trách ấy.

Lệ-Ti nghe nói kinh-ngạc, lại càng phục Khắc-Tư sao mà có được những tin-tức linh-thông như thế, chỉ vâng vâng theo mệnh chứ không dám nói nhiều, rồi cáo từ đi ra.

■

Nửa đêm hôm sau, trước cửa y-viện Mai-Tốn có hai người thám-tử Đức lảng-vảng như có ý đợi chờ ai. Trên mũ hai người đều cài một cái thẻ đồng có khắc chữ số, một người số 22, một người số 25. Vừa lúc ấy Lệ-Ti cũng đi xe đến. Hai người trông thấy liền đi đến bờ hè một nhà đứng nói chuyện, thỉnh-thoảng lại đưa mắt chú-ý đến Lệ-Ti. Lệ-Ti xuống xe, đứng nhìn thẳng vào cửa lớn của y-viện không chớp mắt. Chợt thấy Mạch-Hải thủng-thẳng ở trong đi ra, đến đầu đường thì đứng lại nhìn ra bốn bên đường như mơ-màng không biết đi đâu. Lệ-Ti mới đi đến gần Mạch-Hải, vỗ vào vai:

— Ông Mạch-Hải! Ông đã thật khỏi chưa?

Mạch-Hải quay lại rồi như có ý giật mình:

— À cô! Tôi biết cô rồi. Có phải là cô Lệ-Ti đấy không?

Lệ-Ti gật đầu:

— Phải. Ông đã nhận được tôi, thế thì tốt lắm.

— Hôm qua vì thần-trí tôi mê-mẩn nên có điều không phải với cô, tôi vẫn lấy làm hối-hận lắm, xin cô tha thứ cho.

— Có hề gì, cái đó không phải là lỗi ông.

Mạch-Hải mỉm cười, cúi đầu chào Lệ-Ti rồi đi, như có ý không muốn gần-gũi với Lệ-Ti. Lệ-Ti không biết làm thế nào bèn cứ đi theo ở đằng sau. Chợt có một anh chàng say rượu ở một hàng rượu gần đấy loạng-choạng chạy đến đâm sầm vào Lệ-Ti. Lệ-Ti nổi giận vung tay đấm cho một cái, anh chàng say rượu kia liền ngã xuống đất không dậy được. Trong chớp mắt, Lệ-Ti quay lại đã không thấy Mạch-Hải đâu, mới hoảng-hốt đi tìm. Sau chợt nghĩ ra chắc Mạch-Hải chỉ vào hàng rượu ở gần đấy, mới chạy đến thì quả-nhiên Mạch-Hải đang đứng tựa cái bàn, nhà hàng sắp đem rượu đến. Lệ-Ti vội-vàng chạy lại nói nhỏ với người bán hàng:

— Người này cùng đến với tôi, hắn ta đã say lắm rồi đấy, đừng cho hắn ta uống nữa.

Người bán hàng gật đầu vâng lời, Lệ-Ti mới đến trước mặt Mạch-Hải vừa cười vừa nói dịu-dàng:

— Ơ kìa ông Mạch-Hải! Tôi lại gặp ông rồi! Chắc hẳn ông muốn uống rượu. Nhưng ông không nghe thấy nhà hàng nói rằng rượu bán vừa hết đến mai mới có à? Gần đây cũng có một hàng rượu, ông đến đấy uống với tôi đi.

Mạch-Hải thấy Lệ-Ti lại đến lấy làm lạ, ngẫm-nghĩ một lúc rồi cùng với Lệ-Ti cùng đi. Ra đến cửa, Lệ-Ti chợt cau mày nhăn mặt nói với Mạch-Hải:

— Tôi rức đầu quá, có lẽ ngã xuống đây mất, ông làm ơn đưa giúp tôi về nhà thì tôi cảm-tạ lắm.

Mạch-Hải vốn là kẻ trượng-phu nghĩa-hiệp, nghe nói bèn khẳng-khái nhận lời, rồi tức-khắc đi gọi một cái xe hơi, vực Lệ-Ti lên xe đưa nàng đi.

Hai-mươi phút sáu, Mạch-Hải và Lệ-Ti đã ngồi trong phòng khách của nàng. Mạch-Hải nói vài câu chuyện rồi cáo-từ, nhưng Lệ-Ti ngăn lại :

— Tôi hiện nay đau đầu lắm, muốn gọi dây nói mời thầy thuốc lại thăm cho, mời ông hãy cố ngồi chơi rốn một chốc.

Mạch-Hải nhận lời, Lệ-Ti bèn vào buồng giấy gọi dây nói đến ông viện-trưởng viện cấm rượu là bác-sĩ Cát-Lễ, nói rằng nàng có một người bạn tên là Mạch-Hải, nhân vì uống nhiều rượu quá, thành ra tổn-thương đến óc, nên hóa ra điên cuồng, nay muốn cho vào viện cấm rượu để bác-sĩ ngăn cấm đi cho, nhưng sợ Mạch-Hải không bằng lòng mà kháng-cự, nên xin bác-sĩ cho vài người khỏe mạnh đến cưỡng-bách bắt hẳn đem vào viện, v. v... Bác-sĩ Cát-Lễ trả lời rằng sẽ lập tức cho người đến ngay. Lệ-Ti vui mừng trở ra phòng khách. Mạch-Hải lại đứng dậy cáo-từ, Lệ-Ti giữ lại và chính-sắc nói :

— Tôi nói thật cho ông biết, tôi là viên trinh-thám của đội trinh-thám Hoa-kỳ dây. Những điều bí-mật của quân Đức thế nào, ông nói cho tôi biết.

Mạch-Hải nghe nói ngạc-nhiên, đứng dậy nhìn trừng-trừng vào Lệ-Ti có vẻ ngờ-vực. Lệ-Ti toan nói rõ để giải cái ngờ của Mạch-Hải thì một sự không ngờ, ở cửa phòng khách thông sang buồng giấy, chợt hiện ra một cái mặt ghê-gớm của một người đàn ông, tay cầm súng chĩa vào Mạch-Hải.

Người ấy là ai? Đó là viên thám-tử của Đức số 22.

Nguyên lúc nẫy Mạch-Hải và Lệ-Ti cùng đi về nhà, hai viên thám-tử Đức vẫn nối gót theo sau. Đến lúc hai người vào trong nhà rồi, bọn thám-tử lẳng-vẳng ở bên ngoài nghĩ-ngợi mô lúc rồi quyết kế vào hẳn trong để dò xét, mới đi vòng quanh đến một cái vườn của nhà Lệ-Ti, trèo cửa sổ vào buồng giấy. Thám-tử số 22 rút súng cầm ở tay đi đến chỗ cửa thông sang phòng khách để dò xét. Chẳng ngờ lại bị Mạch-Hải trông thấy. Mạch-Hải kêu lớn lên, đẩy mạnh Lệ-Ti ra chực nhảy đến bắt. Thám-tử 22 hoảng sợ vụt chạy, thám-tử 25 nấp ở buồng giấy cũng nhảy qua cửa sổ chạy mất. Nhưng tên 22 chạy đến buồng giấy thì Mạch-Hải đuổi đến nơi, túng thế quá mới quay lại đánh Mạch-Hải như một con thú dữ đến lúc cùng. Mạch-Hải khỏe mạnh nhanh-nhẹn lạ thường, đánh bật khẩu súng của 22 xuống đất rồi sấn đến túm lấy ngực quật mạnh một cái, 22 biết rằng không địch nổi, ngóc dậy toan chạy, Mạch-Hải vội-vàng nhặt lấy khẩu súng, một tiếng nổ đoàng, thế là 22 ngã ngửa ra, tắt nghỉ.

Lúc ấy, Lệ-Ti cũng vừa chạy đến, Mạch-Hải trông thấy giận lắm, ném súng xuống đất, trỏ tay vào mặt Lệ-Ti mắng :

— Quân khốn-nạn ! Tao với mày có thù oán gì nhau mà mày lại phục người định giết tao ?

Lệ-Ti nghe nói, biết rằng Mạch-Hải hiểu lầm mới lấy lời ôn-tồn phân-giải :

— Ông hãy nguôi cơn giận, tôi sẽ phân bày ông rõ.

Mạch-Hải lại càng tức.

— Phân bày gì ? Lời của mày nói là láo hết, câm ngay mồm đi, tao không muốn nghe một tí nào cả.

Nói rồi, Mạnh-Hải chạy ra phòng khách toan mở cửa đi, nhưng Lệ-Ti nhanh chân chạy ra khóa cửa lại rồi đứng chặn ngay giữa cửa.

Mạch-Hải không làm thế nào mà ra được, quát-tháo ầm-ĩ bắt Lệ-Ti phải đưa thìa khóa. Lệ-Ti vẫn thản-nhiên, thong-thả nói :

— Xin ông hãy nghe tôi một lời để rõ căn-nguyên đã nào.

Mạch-Hải giậm chân gắt :

— Chẳng nghe một lời nào cả. Biết điều thì đưa thìa khóa đây, nếu không thì tao đập vỡ sọ ra bây giờ.

Lệ-Ti vẫn đứng im chẳng đáp, Mạch-Hải lại càng giận, giơ hai tay ra rồi gầm hét chực bóp cổ Lệ-Ti. Lệ-Ti chạy sang buồng giấy để trốn, nhưng Mạch-Hải đuổi theo. May sao dưới đất bãi còn khẩu súng, Lệ-Ti vội-vàng nhặt lấy chĩa vào Mạch-Hải. Mạch-Hải thoạt-tiên còn sợ không dám hành-hung, nhưng rồi chợt tỉnh-ngộ, bèn vỗ vào ngực đi một cách đường-hoàng đến trước mặt Lệ-Ti :

— À, mày lại định đem cái chết dọa tao à? Tao có phải là thằng sợ chết đâu. Đây, mày bắn tao đi ! Tao có sợ chết thì không phải là đấng trượng-phu ở đời này.

Lệ-Ti nghe nói rất khâm-phục, khẩu súng cầm ở tay rơi lúc nào không biết. Mạch-Hải thừa-cơ nhảy lại bóp cổ Lệ-Ti vật xuống đất. Lệ-Ti bị ngạt hơi cố hết sức rẫy-rụa, nhưng Mạch-Hải khỏe như vâm, kháng-cự làm sao được, chỉ đành kêu cầu-cứu.

Chính đang lúc nguy-cấp, thì may thay, bác-sĩ Cát-Lễ và một bọn cảnh-sát ập vào. . . . .

*(Còn nữa)*

**Tùng-Toàn** *dịch*

# VĂN-UYỂN

## THƠ CỔ

Hải-thượng Đỉnh-trai tiên-sinh thi-tập

### XVIII

**Tháng tám lai kinh**

Giang-sơn đâu đấy cũng phong-lưu,
Đủng-đỉnh vời tiên chuốc chén tưu ;
Tiếng thét đường mây con ký-mã,
Hơi giong điểm nguyệt cái điêu-cừu ;
Núi non mừng mặt xô ra trước,
Trăng gió đưa chân chụt lại sau ;
Thân ấy giữa trong trời đất ấy,
Phong-lưu chừng ấy dễ ai hầu.

### XIX

**Qua tỉnh Nam-định muộn ngâm**

(4 bài)

1

Chưa chán du mà quấy mãi đây,
Nợ-nần dan-díu mấy năm nay ;
Mang danh tài-sắc cho nên nợ,
Quen thói phong-lưu hóa phải vay ;
Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay ;
Còn trời còn đất còn non nước,
Có lẽ ta đâu mãi thế này.

2

Có lẽ ta đâu mãi thế này,
Non sông lẩn-thẩn mấy thâu chầy ;
Đã từng tắm gội ơn mưa móc,
Cũng phải xênh-xang hội gió mây ;
Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay ;
Xưa nay xuất-xử thường hai lối,
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

3

Mãi thế rồi ta sẽ tính đây,
Điền-viên thú nọ vẫn xưa nay ;
Giang-hồ bạn lứa câu tan hợp,
Tùng-cúc anh em cuộc tỉnh say ;
Ghềnh đá Khương-công đôi khóm t
Áo xuân Nghiêm-tử một vai cày ;
Thái-bình vũ-trụ càng thong-thả,
Chẳng lợi danh gì lại hóa hay.

4

Chẳng lợi danh gì lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy ;
Ngoài vòng cương-tỏa chân cao th
Trong thú yên-hà mặt tỉnh say ;
Liếc mắt coi chơi người lớn nhỏ,
Vểnh râu bàn giỡn chuyện xưa nay
Của trời trăng gió kho vô-tận,
Cầm hạc tiêu-dao đất nước này.

### XX

**Tết Trung-thu gặp mưa**

Ngựa kỳ le-te dóng nhạc bầu,
Ngàn hoa lấp-ló bóng trăng thâu ;
Giai-nhân ngảnh lại đường mười dặ
Đất nước vui cùng bạn chín châu ;
Rượu thết quan-hà năm bảy chén,
Thơ ghen phong-nguyệt một vài câ
Tỏ lòng rõ có vầng trăng bạc,
Trăng bạc trơ trơ đứng giữa đầu.

### XXI

**Phong-cảnh tỉnh Ninh-bình**

Non xanh ngăn-ngắt nước xanh lèo,
Non nước qua chơi những muốn trè
Trái mũ Đồng-cân xô mặt đá,
Cửa hang Lộng-địch chếch lưng đè
Biển vàng nét choáng hòn Tai-thỏ,
Tháp bạc xây sao đỉnh Cánh-diều ;
Dấu tích hỏi ra Đinh đã chiếm,
Hoa-lư động ấy động Vân-tiêu.

*(Còn-nữa)*

THƠ KIM

**Lễ tiễn quan Ôn**

Mỗi năm cứ đến đầu mùa hè,
Trời đất như lò nóng-nực ghê ;
Người ta thường nói quan Ôn-dịch,
Mùa này âm-phủ hay bắt về.

Vì sợ phải bắt nên ta cúng,
Nào là ngựa voi, nào thuyền súng ;
Nơi nơi vàng mã la-liệt bày,
Cúng vái linh-đình để tiễn-tống.

Những năm thời tiết hơi xôn-xao,
Nhà quê kẻ chợ cùng nôn-nao ;
Xem ra cái cúng lại càng thịnh,
Than ôi mê-tín đến thế nào !

Đã hay âm-dương cùng cách-biệt,
Việc dưới âm-phủ ta không biết ;
Song ở trên đời hãy phải khôn,
Dại mãi như ai thế thì chết.

Dân nước Nam ta trọng thần-quyền,
Nên hay cúng-cấp cầu bình-yên ;
Lẽ đâu cứ cúng được khỏi chết,
Thế ra quan Ôn cũng ăn tiền !

Bao giờ ta hết cái tục hủ,
Tri-thức mở-mang không nệ cổ ;
Bấy giờ quan Ôn tự-khắc đi,
Chắc hẳn tật-dịch ít khi có.

Quan Ôn nào biết ở nơi nao,
Chỉ thấy người mình dọa nạt nhau ;
Chừng ông chỉ thích ở Nam-việt,
Sao không đi đến đất năm châu ?

Các nước văn-minh ngày một tiến,
Có lẽ hung-thần không dám đến ;
Nước ta kẻ còn lắm quan Ôn,
Thôi xin các ngài liệu phiên-phiến.

**Học chữ tây**

Chữ nho đã xếp rồi,
Chữ tây nay lại ế ;
Hán-học chẳng làm chi,
Âu-học thôi cũng thế.

Lắm lúc nghĩ xa-xôi,
Mấy lời khuyên bạn trẻ ;
Mau mau xoay nghề đi,
Khỏi thiệt đường sinh-kế.

Nay khắp trên hoàn-cầu,
Mắc phải nạn kinh-tế ;
Làm người ai cũng lo,
Đồng tiền kiếm không dễ.

Trong đám tử-dân ta,
Lo nhất là nghề sĩ ;
Học-hành tính sao đây,
Giá chữ ngày càng rẻ !

**Anh đồ**

*(Hát xẩm)*

Anh thì đồ, anh thì đồ,
Xưa kia đã có tiếng anh đồ.
Làm thân con gái lắm cô muốn nhâm.
Chẳng tham gì tham cái bút anh cầm,
Phượng-loan muốn những trăm năm phỉ nguyền.
Anh có đâu ruộng cả ao liền,
Làm sao anh vẫn có duyên với má hồng ?
Xét cho ra cũng chẳng lạ-lùng,
Gái xưa vẫn quí cái công nuôi chồng.
Vả tuy nay anh kiết anh cùng,
Một mai anh chiếm bảng rồng anh đã làm quan.
Đỉnh-chung vui thú thanh-nhàn,
Dài lưng đã có áo vua ban thiếu gì.
Anh đồ xưa giá quí ai bì,
Tấm lòng ao-ước nữ-nhi thường tình.
Bây giờ đương buổi cạnh-tranh,
Nói đến cái sự học-hành ngày một khó-khăn.
Cử, Nghè đã khó len chân,
Anh đồ thôi cũng khó kiếm ăn mất rồi.
Huống chi nay những gái tân-thời,
Điểm-trang đúng « mốt » mà ăn chơi đủ mùi.
Giang-sơn gánh vác mấy người ?
Lấy chồng mong những lương nuôi của chồng.
Anh văn hay mà thiếu cái hơi đồng,
Các cô thiếu-nữ hẳn cũng không mặn-mà.
Thời nay thời cổ khác xa,
Hỏi ai chớ có cậy rằng ta đây anh đồ,
Miễn là giấy bạc bồ mà đầy bồ.

Tương-giang-thị NGUYỄN TIẾN

# THỜI-ĐÀM

■

## PHÁP

### Bà Curie tạ-thế

Bà CURIE là vợ nhà bác-vật Pierre CURIE đã tạ-thế sáng hôm 4 Juillet ở *Sallanches* quận *Haute-Savoie*.

Bà là một nhà đại-bác-vật đã phát-minh ra quang-tuyến *Radium* từ năm 1899. Từ đó đến nay bà vẫn tận-tụy với khoa-học, khảo-cứu về thứ quang-tuyến ấy. Bà được cả thế-giới đều kính-trọng. Bà tạ-thế, không những nước Pháp mà cả khoa-học-giới hoàn-cầu mất một bậc vĩ-nhân. Gia-quyến bà không nhận lễ quốc-táng. Quan Tổng-trưởng bộ Quốc-gia giáo-dục định tổ-chức vào kỳ khai trường này một lễ truy-điệu rất lớn. Bà thọ 67 tuổi.

■

## ĐỨC

### Đức lại muốn đòi lại thuộc-địa

Diễn-thuyết trước mặt 25 ngàn người, ông VON SCHNEE là cựu Toàn-quyền thuộc-địa của Đức có cổ-động việc đòi các thuộc-địa cũ của Đức đã mất về đồng-minh sau cuộc Âu-chiến.

### Vấn-đề trả nợ

Ông chánh nhà ngân-hàng tuyên-bố với nhà viết báo Hung-gia-lị rằng : Ngoại-quốc tố-cáo Đức không muốn trả nợ, nhưng thực ra Đức hiện nay không thể trả nợ được, mà muốn cho Đức trả được nợ thì phải : 1º) Trả lại cho Đức những thuộc-địa cũ ; 2º) B[illegible] đề-chế hàng-hóa của Đức nữa ; [illegible] Giảm bớt tiền lãi đi. . . . .

### Một cuộc âm-mưu đảo-chính [illegible] định đánh đổ Hitler

Ngày 29 và 30 Juin tại *Munich*, *Berlin* ở Đức có xảy ra nhiều vụ [illegible] máu vì một cuộc âm-mưu đánh [illegible] HITLER. Bọn cách-mệnh là những ng[illegible] đứng đầu các đạo quân chiến-đấu [illegible] đảng Quốc-gia xã-hội, chính là bộ[illegible] thân-cận của HITLER, trước kia đã g[illegible] cho HITLER trở nên một nhà độc-[illegible] Đứng đầu vụ này nghe đâu là nguy[illegible] soái VON SCHLEICHER và đại-úy RO[illegible] là tổng-tham-mưu các đạo quân chi[illegible] đấu.

Cuộc âm-mưu không thành, mà H[illegible] LER đã ra tay trừng-trị những ng[illegible] làm phản một cách cương-quyết.

Ngay nửa đêm hôm 30 Juin, HIT[illegible] cưỡi máy bay đến *Munich* thân-hà[illegible] lột chức và tống-giam các tướng-lĩ[illegible] làm phản. Chính tay HITLER đã [illegible] đại-úy ROEUM và đã cử LUTZE thay [illegible] ROEHM. Vợ chồng nguyên-soái V[illegible] SCHLEICER bị giết chết. HITLER ngờ [illegible] phó thủ-tướng VON PAPEN cũng có [illegible] vào cuộc âm-mưu này nên có xin [illegible] tổng-thống HINDENBURG bãi chức V[illegible] PAPEN, nhưng ông HINDENBURG khô[illegible] bằng lòng. Ngay khi xảy ra việc đ[illegible] chính ông VON PAPEN cũng bị HIT[illegible] bắt giam, nhưng sau được tha và [illegible] được phục-chức.

Con vua GUILLAUME II bị giữ ở nhà. Hoàng-thân AUGUSTE WILHELM, chánh các đội quân chiến-đấu bị bắt.

Sáu-mươi người bị bắn, đều là tướng-lĩnh đảng Quốc-gia Xã-hội cả. Trong số đó có một người giúp việc của ông VON PAPEN và ERNST là lãnh-tụ đảng chữ *Vạn ở Berlin*. Có tin rằng quan nguyên tổng-trưởng TREVIRANUS cũng ở trong số người bị bắn ấy. Ngoại 200 tướng-lĩnh của các đội quân chiến-đấu bị bắt. Còn những người nào bị tình-nghi đều bị trục ra ngoài đảng.

Vì cớ gì mà lại chính những người chân tay của HITLER lại trở lại phản HITLER? Người ta nói rằng bọn này bất-bình về sự bị bó buộc vào kỷ-luật nghiêm-khắc quá, và HILER ít lâu nay đã hành-động trái với chủ-nghĩa đảng chữ *Vạn*. Lại có người nói rằng nguyên-nhân cuộc phiến-loạn này là do đảng Bảo-hoàng gây ra.

Dư-luận thế-giới đối với cuộc đảo-chính này phân-vân lắm, vì tình-thế trong nước Đức rối beng, vả lại sự thông tin-tức ra ngoài đều bị kiểm-duyệt nghiêm-ngặt.

Báo « *Intransigeant* » nói rằng cái phong-trào phiến-loạn này sẽ làm cho nước Đức trở lại quân-chủ như trước.

Thống-soái GŒRING tuyên-bố rằng đã giữ được trật-tự trong xứ rồi.

Tuy vậy, địa-vị của HITLER sau cuộc phiến-loạn này hình như cũng hơi núng. Chưa biết tình-thế nước Đức rồi sẽ xoay chuyển ra sao.

**Ông Gœbbels phản-kháng**

Nhưng ông GŒBBES phản-kháng những tin trên này. Ông có đọc một bài diễn-văn do máy truyền-thanh đưa khắp mọi nơi nói rằng đó là những điều thêu-dệt của các báo. Theo ý ông thì hôm 30 Juin ở trong nước Đức không hề có sự gì lôi-thôi cả. Ngày nay quả có việc thay đổi ở Đức thực, nhưng chính là lòng dân càng kính-phục HITLER và càng công-nhận cái chính-thể của đảng Quốc-gia xã-hội. . . . .

■

## MĨ

**Mĩ với chủ-nghĩa của Hitler**

Ở Nữu-ước, mấy nghìn người thuộc phái bài-xích đảng quốc-gia xã-hội đã biểu-tình trước tòa lãnh-sự Đức yêu-cầu trục-xuất một người bộ-hạ của HITLER vừa mới đến Mĩ.

■

## ẤN-ĐỘ

**Tin về ông Gandhi**

Người ta nói nếu ông GANDHI lại hoạt-động chính-trị thì bị chính-phủ Anh bắt hạ ngục ngay về tội bất tuân mệnh-lệnh.

Trong một buổi hội mừng ông GANDHI có một quả bom ném làm cho mấy người bị thương. Nhưng ông GANDHI không việc gì, vì lúc bấy giờ ông chửa đến. Người ta nói rằng đó là dề dọa ông GANDHI cho ông nản chí về việc cổ-động phá chế-độ giai-cấp.

Nhà lãnh-tụ đảng quốc-dân Ấn-độ là ông PANDIT MALAVIYA, vì bất đồng ý-kiến với ông GANDHI nên đã từ chức ra khỏi Đại-hội Quốc-dân Ấn-độ.

■

## NHẬT-BẢN

**Nội-các mới**

Vì thủ-tướng Trai-Đằng cho rằng Nội-các phải chịu trách-nhiệm về việc

mấy quan đại-thần can-thiệp vào việc âm-muội xảy ra tại bộ tài-chính nên đã xin từ chức.

Theo lời đề-cử của hoàng-thân SAIONJI, Nhật-hoàng đã cử Thủy-sư đô-đốc KEISAKE OKADA lập nội-các mới. Cử ông OKADA làm thủ tướng tức là chứng rằng Nội-các mới sẽ kế-tiếp cái chính-sách của Nội-các cũ.

## THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

■

Tình-hình chính-phủ Nam-kinh hiện nay hệ-trọng nhất là việc dự-thảo hiến-pháp. Báo-giới Trung-hoa nói rằng Hội-đồng hiến-pháp do Tôn-Khoa chủ-tọa đã sửa trong bản dự-thảo Hiến-pháp, mục tổ-chức chính-phủ, theo điều sửa lại đó thì quyền hành-chính ở trong tay ông Giám-quốc sau này, chứ không phải ở ban Hành-chính như trước. Nếu vậy thật là một điều rất có lợi cho Tưởng Giới-Thạch.

Tưởng Giới-Thạch mới rồi có cử Hà Kiện là tỉnh-trưởng Hồ-nam đi xem-xét tình-hình phía Tây-nam, mưu cho Quảng-đông, Quảng-tây liên-lạc với Trung-ương để tiễu-trừ cộng-sản ở Quảng-tây và miền nam Phúc-kiến. Hà Kiện có điện về Nam-kinh rằng Trần Tế-Đường thì thuận bãi bội-đồng chính-trị miền Tây-nam đi, nhưng các tướng-lĩnh khác thì không chịu, muốn đem vấn-đề ấy ra bàn tại Đại-hội-nghị Quốc-dân-đảng kỳ thứ năm họp tháng *Novembre* này.

Có tin ở Nam-kinh tuyên-bố rằng Trần Tế-Đường đã y theo chương-trình của chính-phủ dự-định tổng công-kích đảng cộng-sản. Quân-đội Quảng-đông và Quảng-tây cử đi tiễu-cộng thì kể từ 1er *Juillet* này sẽ thuộc-quyền trực-tiếp của Tưởng Giới-Thạch.

Còn về việc Trung-Nhật giao-thiệp, thì mới rồi Tưởng Giới-Thạch có cùng với sứ-thần Nhật là Hữu-Cát hội-đàm ở Nam-kinh. Người ta cho cuộc hội-đàm ấy về vấn-đề Trung Nhật có nhiều điều hệ-trọng.

Người Nhật bên trong thì đã vẽ ra cái địa-đồ chia xé nước Tàu, lại trưng bày ra nhiều tranh-ảnh về cuộc Trung-Nhật chiến-tranh ở Thượng-hải và Thẩm-dương, để cổ-động cho dân Nhật có tâm làm cho đạt cái chương-trình xâm-lấn nước Tàu. Bên trong thì người Nhật hoạt-động như vậy, thế mà bên ngoài họ vẫn tuyên-bố mong nước Tàu tỉnh-ngộ đi lại thân-thiện với Nhật để mưu cuộc hòa-bình cho xứ Viễn-đông, thì không hiểu họ còn thân-thiện ở chỗ nào.

Từ khi hội Vạn-quốc quyết-nghị không công-nhận nước Mãn-châu, người Nhật không thể vận-động vào đâu được, họ mới quay lại vận-động thẳng với chính-phủ Tàu, muốn cưỡng-bách Tàu phải thừa nhận Mãn-châu-quốc. Nếu Tàu mà sợ-sệt phải thừa-nhận Mãn-châu-quốc thì là mất hẳn Mãn-châu, mà trái với lời quyết-nghị của hội Vạn-quốc. Bởi vậy người Nhật mới giở nhiều cách ngoại-giao khôn-khéo, nào là xướng lên cái thuyết « Trung Nhật trực-tiếp giao-thiệp », nào là bày ra cái tin « Địa-phương giải-quyết » để điều-đình với Tàu, lại điều-đình ngay về sự thực, khiến cho nước Tàu và nước Mãn lại thông

xa và thông bưu, là lại cho xe-hỏa Bắc-bình và Liêu-ninh chạy thông-đồng như xưa, bưu-chính thì như những việc điện-báo thư tín bưu-kiện, lại trao đổi với nhau như trước. Song hỏa-xa và bưu-chính là cái chứng-cớ tuyệt-giao của Tàu đối với Mãn-châu. Nếu việc thông xa và thông bưu mà thành thì Nhật sẽ vin lấy cái cớ ấy mà vận-động với các nước, nói là Tàu đã công-nhận nước Mãn về sự thực rồi.

Bởi vậy, cái việc thông xa và thông bưu đó, đại-biểu hai bên giao-thiệp mãi bắt đầu từ ngày 1er *Juillet* này mới thực-hành. Dân-chúng Trung-hoa lấy việc này làm căm-tức lắm, cho rằng Chính-phủ chịu theo như thế, không khác gì là thừa-nhận nước Mãn-châu, chịu mất đứt bốn tỉnh Đông-bắc rồi.

Các báo ở Bắc-bình đều có nhận được thư của đoàn Thiết-huyết chính-nghĩa, nói quyết đem máu và sắt để phản-đối việc giao-thông xe-hỏa với nước Mãn-châu. Nên-chi trong việc hiệp-định thông-xa này, chính-phủ Trung-hoa có tờ tuyên-bố rằng vấn-đề thông xa này với vấn đề thừa-nhận Mãn-châu-quốc là hai vấn-đề khác nhau, và các cuộc điều-đình kia không có tính-cách chính-trị và ngoại-giao gì hết.

Người Nhật đối với chính-phủ Tàu, gần đây tiến-hành nhiều cái kế-hoạch hâm-dọa, nào là đem thêm lục-quân sang miền Hoa-bắc, hải-quân muốn tiến vào mặt Trường-giang. Mới đây có xảy ra cái việc phó lĩnh-sự Nhật là Tăng-Bản hốt-nhiên mất tích, người Nhật ra oai hâm-dọa Tàu, muốn viện cớ để sinh-sự, nhưng sau lại tìm thấy ngay, làm cho người Nhật mất một cơ-hội tốt.

Hiện nay người Nhật đang ra sức lo việc phòng-bị trên không ở Mãn-châu, đã đắp một cái thành giả ngoài 20 dặm phía bắc thành Trường-xuân, cốt để làm loạn mục-tiêu của máy bay Nga sau này.

Có tin ở Trường-xuân rằng Nhật-bản với Phổ-Nghi đang âm-mưu chiếm lấy Hoa-bắc. Cái âm-mưu đó chia làm ba phần như sau :

1) Nhật-bản xui giục và sắp đặt cho vua Khang-đức (là Phổ-Nghi) đến mùng 1 tháng 10 năm nay thì cử binh, rồi đồng-thời làm lễ thệ-sư và hạ-lệnh đi đánh Hoa-bắc.

2) Từ nay tới ngày đó, Mãn-châu-quốc sắp đặt cho đủ 30 đoàn bộ-binh, 2 đoàn pháo-binh, để đánh Hoa-bắc. Lại chiêu-dụ bọn Hán-gian (bọn người Tàu phản quốc) làm tiên-phong.

3) Dùng viên Tổng-đốc Hà-bắc hồi trước là Khấu Anh-Kiệt làm đầu sở trinh-thám Hoa-bắc, đặt tại Thiên-tân, và phát cho 50 muôn đồng để làm việc do thám.

Đại-khái âm mưu đánh Hoa-bắc là thế, ý muốn đem Phổ-Nghi về khôi-phục Mãn-Thanh và đóng đô lại Bắc-bình vậy.

Cuộc Hoa-bắc còn đương tiến-hành thì người Nhật lại duỗi bàn tay sắt sang miền Hoa-nam. Có tin đồn rằng Nhật bắt ép Tàu nhượng Hạ-môn làm tô-tá để khấu bớt mối nợ cũ.

Đại-tướng Đài-loan là Phùng Thúy tuy vẫn chủ trương chính-sách « hoãn-tấn », song nay lại uy-bức chính-phủ Tàu phải kíp thuận bừa đến chỗ mục-đích viên-mãn :

1) Dời dân Đài-loan sang Phúc-kiến để mượn tiếng bảo-hộ kiều-dân, đặt

võ-trang cảnh-sát khắp các miền trọng-yếu (võ-trang cảnh-sát đã đặt ở Hạ-môn).

2) Chiếm các thị-trường ở duyên-hải;

3) Mở rộng phạm-vi « Trung-Nhật kỹ-thuật hợp-tác ».

4) Miền nam Phúc-kiến và miền Lưỡng-Quảng, đặt cơ-quan giao-thông và thực-nghiệp, thi-hành lối kinh-tế xâm-lược.

Người Nhật lại bắt ép cả dân Phúc-kiến nhập-tịch Đài-loan, lại muốn cưỡng-bức tô-tá Tam-đô-úc.

Tam-đô-úc là đoạn biển phía đông tỉnh Phúc-kiến, hình-thế hiểm-yếu nhất một nơi quân cảng thiên-nhiên. Gần đây Tổng-đốc Đài-loan phái người cùng lãnh-sự Nhật ở Phúc-kiến là Vũ Tá-Ninh tỏ ý cùng quan địa-phương Tàu yêu cầu tô-tá Tam-đô-úc để làm nơi để tập không-quân.

Ấy người Nhật càng ngày càng xâm lấn nước Tàu như thế, chẳng hay cục diện Thái-bình-dương sau này xoay chuyển ra thế nào?

## VIỆC TRONG NƯỚC

**Nước Pháp đảm-bảo cho Đông-dương vay nợ.** — Kỳ Hội-đồng các quan Thượng-thư ngày 6 *Juin* ở *Paris*, theo lời thỉnh-cầu của quan Toàn-quyền Robin, quan Tổng-trưởng Laval đã chuẩn-y việc xin chính-phủ bảo-đảm cho một kỳ quốc-trái Đông-dương do khoản 9 đạo luật ngày 26 *Avril* 1932 đã cho phép và cho ngân-sách Đông-dương được trừ một món tiền chi về quân-bị năm 1935.

**Hương-chức ở Nam-kỳ được đeo thẻ bài.** — Theo tờ thông-tư số 480 ngày 18 *Décembre* 1933, thì các hương-chức ở Nam-kỳ được đeo thẻ bài trong khi làm việc quan. Thẻ bài có khắc tên tỉnh tên làng và ban hội-tế bằng chữ quốc-ngữ và chữ nho. Thẻ bài này có ba thứ:

Hạng nhất, hình tam-giác mạ vàng, để các ông đại-hương cả đeo.

Hạng nhì, hình tam-giác bằng bạc, để các ông từ hương-cả xuống đến hương-giáo đeo.

Hạng ba, hình tròn bằng bạc, để các hương-chức nhỏ đeo.

**Phát-hành tiền trinh Bảo-đại lần cuối cùng.** — Chính-phủ đã cho phát-hành tiền trinh Bảo-đại lần cuối-cùng nữa là 1.380.400 đồng trinh.

**Ban cứu-tế nạn dân Bình-Phú ở Bắc-kỳ đã giải-tán.** — Ngày 22 *Juin* Hội-đồng Cứu-tế ở Bắc-kỳ đã họp tại hội Khai-trí Tiến-đức để cộng sổ quyên tiền giúp nạn dân Bình-định Phú-yên xong thì giải-tán. Số tiền cộng được là 14.305 $ 74. Tiền ấy đã nhờ nhà băng Đông-Pháp gửi cho ban Trung-ương Cứu-tế ở Huế để phân-phát cho nạn dân.

**Ban Trung-ương Cứu-tế ở Huế đã giải-tán.** — Ngày 28 *Juin* Hội-đồng Cứu-tế ở Huế đã họp, cộng sổ thu-chi xong thì giải-tán. Số thu chi như sau này:

Thu được 69.911 $ 82.

| | |
|---|---|
| Chi cho nạn-dân Bình-định | 10.412 $50 |
| — Phú-yên | 9.661,39 |
| — Hà-tĩnh | 11.000,00 |
| — Quảng-ngãi | 050,00 |
| Chi-phí vặt. . . | 276,82 |
| Cộng. . . | 31.400$71 |

Còn gửi tại nhà băng Đông-Pháp 38.511$11.

**Một người chỉ được làm trị-sự mười hội thôi.** — Theo luật mới tại Thượng-nghị-viện bên Bộ đã định, một người chỉ được sung làm hội-viên ban trị-sự 10 hội là cùng.

**Quan Toàn-quyền Robin sang Đông-dương.** — Ngày 27 *Juin* quan Toàn-quyền ROBIN đã từ-biệt *Paris* khởi hành xuống *Marseille* để đáp tầu sang Đông-dương. Cùng đi với Ngài có quan phó Toàn-quyền CHÂTEL, quan Tài-chính Giám-đốc COUSIN, quan Thương-chính Giám-đốc PRATS và các viên-chức văn-phòng. Chiều ngày 29 Ngài đã đáp tầu « *d'Artagnan* » sang Đông-dương ta.

**Hội-đồng Chính-phủ.** — Ban Thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ đã họp ngày 30 *Juin* tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL chủ-tọa.

**Đào thấy tụy-đạo ở Trung-kỳ.** — Mới rồi nhân đào hầm đường xe lửa Nha-trang—Tourane, tại đèo Cả (cách Nha-trang 30 cây-số) người ta đào thấy một cái hầm có con đường tụy-đạo, hai ông kỹ-sư Pháp cùng bọn cu-li dùng đèn điện đi thăm xem thì thấy con đường dài có nhiều ngách ngang; có chỗ thấy hang to có đá xây tam-cấp; đường dài có tới mấy cây số, nhưng đi nửa chừng phải trở lại.

**Bảo-đại thư-viện.** — Bảo-đại thư-viện đã lập ở nhà Di-luân trường Quốc-tử-giám để cho người vào xem sách. Hiện nay đã chứa được ba vạn quyển sách chữ Hán và một nghìn quyển chữ tây. Ngân-sách Nam-triều đã định trích ra 3.000 đồng bạc để sửa-sang và mua thêm sách.

**Hạn-chế các thứ vải ngoại-quốc nhập-cảng Đông-dương.** — Quan-bảo ở *Paris* có đăng đạo mệnh-lệnh hạn-chế vải và các đồ hàng dệt của ngoại-quốc nhập cảng vào Đông-dương.

**Giảm thuế thân cũ cho dân nghèo Hoa-kiều.** — Ba trăm dân nghèo Hoa-kiều ở Sài-gòn Chợ-lớn không nộp được thuế thân năm 1933 hoặc hai ba năm trước đã sắp bị trục xuất cải-ngoại. Nay quan Thống-đốc PAGÈS đã rộng lượng cho mỗi người ấy chỉ phải nộp một số 15 đồng thôi (nếu nộp đủ thì mỗi năm phải hơn 30 đồng), còn thì miễn cho cả.

**Quan quyền Toàn-quyền Graffeuil vào Nam.** — Ngày 4 *Juillet*, quan quyền Toàn-quyền GRAFFEUIL đã khởi-hành vào Sài-gòn để đón quan Toàn-quyền ROBIN.

**Ông Ackein quản-lý văn-khế Hà-nội bị bắt.** — Ông ACKEIN làm quản-lý phòng văn-khế Hà-nội, vì làm sổ sách có chỗ lắc rối và trong quĩ thiếu mất số tiền chừng 300.000 quan, nên ông đã bị bắt giam tại Hỏa lò để đợi tra xét.

**Chức Thủ-hiến Quảng-châu-loan.** — Ngày 3 *Juillet*, quan Thủ-hiến DELAMARRE đã xuống tầu về hưu. Quan cai-trị hạng nhất DE TASTES đã lên nhiệm chức Thủ-hiến Quảng-châu-loan.

**Khóa thi Sơ-học yếu-lược năm nay ở Bắc-kỳ.** — Trong kỳ thi bằng Sơ-học yếu-lược năm 1934 này ở Bắc-

kỳ cộng tất cả các hạ' có 21.062 người ứng-thí, được 12.989 người trúng-tuyển. Trong số ấy thì 365 người đỗ cả quốc-ngữ chữ tây và chữ nho ; 1329 người đỗ quốc-ngữ và chữ nho ; 2.502 người đỗ quốc-ngữ và chữ tây ; 8 793 người chỉ đỗ phần quốc-ngữ thôi.

**Số tiền thu của sở xe-lửa Đông-dương.** — Kể trong bốn tháng đầu năm 1934, sở xe-lửa Đông-dương thu được 1.112.712 đồng, so với bốn tháng đầu năm 1933 thì sụt kém 64.803 đồng. Thế là sụt mất 5, 5 %.

Đường xe-lửa Hải-phòng đi Vân-nam-phủ trong bốn tháng đầu năm nay thu được 1232.090 đồng, sụt kém bốn tháng đầu năm ngoái là 97.119 đồng. Thế là sụt mất 7, 30%.

**Sản-vật Đông-dương xuất-cảng.** — Trong năm tháng đầu năm 1934 này sản-vật Đông-dương chở sang Pháp bán được 234.580.000 quan, khá hơn sáu tháng đầu năm 1933 chỉ được 216.792.000 quan.

Kể riêng về gạo thì năm tháng đầu năm nay xuất-cảng được 715.868 tấn, hơn năm tháng đầu năm ngoái được 2.184 tấn.

## Giới-thiệu sách và báo

**Nữ-Trung tùng-phận.** — Một quyển văn song-thất-lục-bát của bà Đoàn-thị Điểm giảng bút nói về phận-sự nữ-lưu, dầy 60 trang do hội thánh Cao-đài ở Tây ninh xuất-bản tại nhà in Bảo-tồn Sài-gòn, giá 0$20.

**Việt-Nam Tuần-báo.** — Xuất-bản ngày chủ-nhật viết bằng Pháp-văn, ông Phạm Nguyên-Cảnh biệt-hiệu Hi Tống làm chủ-nhiệm, báo-quán ở số 193 phố hàng Bông, giá mỗi số 0$10.

---


NAM-PHONG TỦNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

*Mới xuất-bản :*

*Tuồng Lôi-xích.* giá 4 hào

*Xuất-bản từ trước :*

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp 4 hào
4. — L'idéal du Sage 4 hào
5. — Chính-trị nước Pháp :
   Quyển thứ I 4 hào
   Quyển thứ II 5 hào
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào
10. — Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 5 hào
11. — La Poésie annamite. 4 hào
12. — Tục-ngữ ca-dao. 4 hào